

**TÀI LIỆU KỸ THUẬT****SỔ TAY****HƯỚNG DẪN LÒNG GHÉP GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN  
TAI VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI  
CẤP TỈNH, CÁC NGÀNH TẠI TỈNH AN GIANG**

Giao thông đường thủy ở An Giang

**Biên soạn:**

**Lê Thị Mộng Phượng** (Tư vấn của ADPC) và: đại diện Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN tỉnh An Giang và đại diện các sở: (i) Sở Kế hoạch và Đầu tư; (ii) sở NNPTNT; (iii) Sở Giáo dục và Đào Tạo; (iv) Sở Y Tế; (v) Sở Giao Thông Vận Tải; (vi) Sở Tài nguyên và Môi trường; (vii) Sở Xây dựng

**An Giang tháng 9 năm 2010**

# MỤC LỤC

1. LỜI GIỚI THIỆU .....	4
2. CƠ SỞ PHÁP LÝ CHO VIỆC LỒNG GHÉP GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN LINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH, NGÀNH .....	8
2.1 Các chính sách của chính phủ.....	8
2.2 Các chính sách và văn bản căn cứ cho việc lồng ghép (cấp tỉnh).....	9
3. Các quan điểm chỉ đạo .....	11
3.1 Các quan điểm chỉ đạo chung .....	11
3.2. Quan điểm thực hiện .....	14
4. Các nguyên tắc lồng ghép.....	15
4.1 Các nguyên tắc trong xây dựng Chương trình nghị sự của ngành và địa phương..	15
4.2. Các nguyên tắc khi tiến hành lồng ghép .....	16
5. Ngân sách lồng ghép:.....	18
5.1 Cấp trung ương .....	18
5.2 Cấp tỉnh.....	19
6. QUY TRÌNH, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LỒNG GHÉP.....	20
Bước 1: Rà soát, đánh giá tình hình thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu tại địa phương .....	20
Bước 2: Rà soát, nắm chắc mục tiêu, các giải pháp, các Chương trình, Dự án cụ thể của tỉnh nhằm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra và nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu để có căn cứ lựa chọn các nội dung cần lồng ghép. ....	24
Bước 3: Tiến hành lồng ghép.....	25
7. GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ LỒNG GHÉP .....	29
7.1. Mục đích giám sát đánh giá hiệu quả lồng ghép.....	29
7.2. Tiêu chí đánh giá kết quả lồng ghép .....	29
7.3. Thời gian thực hiện đánh giá kết quả lồng ghép.....	30
7.4. Trách nhiệm đánh giá hiệu quả lồng ghép .....	30
8. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH AN GIANG ĐÃ CÓ SỰ LỒNG GHÉP- QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT .....	31
8.1 Quy trình lập Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh An Giang 5 năm 2011-2015 đã có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai - Phương án đề xuất.....	31
8.2 QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH 2011-2015 .....	35
8.2.1 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn – phương án đề xuất.....	35
8.2.2 Quy Trình xây dựng kế hoạch của ngành GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO.....	41
8.2.3 Quy Trình xây dựng kế hoạch của ngành Y Tế có sự lồng ghép – phương án đề xuất.....	46
8.2.4 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành TNMT- Tài nguyên Nước – phương án đề xuất.....	50
8.2.5 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành GTVT – phương án đề xuất	54
8.2.6 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành Xây dựng – phương án đề xuất .....	57
Tài liệu tham khảo .....	62
PHỤ LỤC.....	64
Phụ lục 1. Tham khảo thích ứng với biến đổi khí hậu được lồng ghép vào một số ngành .....	64
Phụ lục 2 – Thuật ngữ sử dụng .....	68

## Bảng chữ cái viết tắt

ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
ADPC	Trung tâm Phòng chống Thiên tai Châu Á
ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
BCĐ	Ban chỉ đạo
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BCH PCLB&TKCN	Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn
ĐBSCL	Đồng Bằng sông Cửu Long
NNPTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
NHCSXH	Ngân hàng chính sách xã hội
NS&VSMTNT	Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
PCGNTT	Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai
PCLBGNTT	Phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai
PTNT	Phát triển nông thôn
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
TT DBKTTV	Trung tâm dự báo khí tượng, thủy văn
TTKTTVQG	Trung Tâm Khí Tượng Thủy Văn Quốc Gia
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
TP	Thành phố
UBND	Ủy ban nhân dân
QLRRTT,	Quản lý rủi ro thiên tai
Sở KH&ĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

## 1. LỜI GIỚI THIỆU

Là một trong những tỉnh thuộc vùng đầu nguồn ĐBSCL, năm nào An Giang cũng phải đón nhận và chịu đựng những cơn nước lớn từ sông Mê Kông đổ về kéo dài hơn 3 tháng, mực nước rất cao, bình quân hàng năm từ 2 đến 3,5 mét so với mặt đất tự nhiên làm ngập trắng ruộng đồng

Các loại hình thiên tai ở An Giang: Lũ lụt, sạt lở đất, lốc, dông, sét, hạn hán, ngập úng, bão, đất và nước bị nhiễm phèn, cháy rừng...trong đó có các loại thiên tai đi liền nhau, hoặc loại thiên tai này là hệ quả của loại thiên tai khác, chẳng hạn lũ lụt gây ra sạt lở đất và úng ngập, mưa bão làm nước dâng cao gây úng ngập, giông sét, hạn hán dẫn đến cháy rừng...

Lũ lụt ở ĐBSCL nói chung và ở An Giang nói riêng chịu ảnh hưởng của lũ ở thượng nguồn sông Mê Kông, sự điều tiết của biển hồ, các vùng ngập và sự tiêu thoát của hệ thống sông, kênh rạch trên lãnh thổ Campuchia về Việt Nam

Nước lũ chảy về Việt Nam theo 2 sông chính, sông Tiền và Sông Hậu chiếm khoảng 80-85%, qua các kênh rạch và bãi tràn vào Đồng Tháp, An Giang và tứ giác Long Xuyên chiếm khoảng 15-20%<sup>1</sup>. Chuyển 15-20% lượng nước lũ này ra ngoài phạm vi các vùng ngập là một điều vô cùng khó khăn. Triết lý “Sống chung với lũ” vẫn là mục tiêu lâu dài cho vùng ngập ĐBSCL nói chung và tỉnh An Giang nói riêng. Do “sống chung với lũ” nên hệ thống sông ngòi, kênh rạch trong vùng ngập lụt vừa có chức năng cấp nước, tiêu úng vừa có chức năng thoát lũ. Tuy nhiên, sau mùa lũ, kiến trúc cảnh quan sông rạch, đô thị, nhà ở...không còn nguyên vẹn, cơ sở hạ tầng xuống cấp bờ sông, kênh rạch bị sạt lở, môi trường bị ô nhiễm...vì vậy việc Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh phải phù hợp với quy hoạch lũ

Toàn tỉnh có khoảng 455.000 hộ gia đình (dân số trên 2 triệu người). Do phần lớn dân nông thôn có tập quán sống dọc theo các trục giao thông, hoặc sống rải rác trên các tuyến kênh, rạch kết cấu nhà ở tranh, tre, nứa, lá tạm bợ, nên vào mùa mưa lũ tính mạng, tài sản của người dân luôn bị đe dọa, hàng ngàn ha diện tích lúa màu bị mất trắng, nhiều tuyến đường giao thông bị ngập, hàng ngàn học sinh các cấp phải nghỉ học. Chỉ trong mùa nước năm 2000 đã có 130.409 hộ dân vùng nông thôn nhà cửa bị ngập không thể ở được, nhiều nhất là huyện An Phú tới 22.218 hộ, Tân Châu 17.031 hộ, Phú Tân 20.322 hộ và Châu Phú là 24.060 hộ... Sau mùa lũ lịch sử đó, toàn tỉnh An Giang ước tính thiệt hại về tài sản khoảng 306 tỷ đồng, 267 người chết, trong đó có 224 trẻ em chiếm 83,9% tổng số người chết

Hàng năm cứ sắp đến mùa mưa lũ, vấn đề các cấp chính quyền quan tâm hàng đầu là huy động sức người, sức của nhằm bảo đảm an toàn, cứu đói cho dân và khắc phục hậu quả lũ lụt để tránh những tổn thất nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh.

Ngay sau mùa nước lịch sử năm 2000, UBND tỉnh An Giang đã chỉ đạo các ngành chức năng tập trung quy hoạch vùng thường xuyên ngập lũ, vùng sâu, vùng xa, đề ra nhiều chủ trương, giải pháp cố gắng hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất do lũ gây ra. Quy hoạch phân bố lại dân cư đối với tỉnh biên giới tây Nam An Giang và Quy hoạch tổng thể các vùng tái định cư cho người dân vùng lũ

<sup>1</sup> Báo cáo của Sở Xây dựng ngày 23-8-2010 phục vụ cho hoạt động tham vấn của tư vấn

Thực hiện việc đầu tư lồng ghép nguồn vốn các chương trình để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu và hạ tầng xã hội bước đầu đã đạt kết quả cao, (tuy chưa đạt yêu cầu đề ra do nguồn vốn hạn chế và đầu tư không đồng bộ), bao gồm các nguồn chương trình 135 (95,7 tỷ đồng), chương trình NS&VSMTNT (35,6 tỷ đồng), Ngân hàng Tái thiết Đức tài trợ (10,7 tỷ đồng), ngân sách địa phương (56,2 tỷ đồng), huy động nhân dân (0,6 tỷ đồng),... Ngoài ra còn huy động nhiều ngày công để tổ chức trồng cây xanh đường phố tạo mỹ quan, nâng cao chất lượng môi trường sống và trồng cây chắn sóng bảo vệ đê bao trong cụm tuyến dân cư.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành nên cơ chế chính sách đối với chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư vượt lũ được ban hành khá đầy đủ, toàn diện, thông thoáng, giảm thiểu trình tự thủ tục trong đầu tư xây dựng, không lập dự án đầu tư, được phép chỉ định thầu xây dựng, bố trí vốn tập trung đầy đủ theo yêu cầu đầu tư của địa phương, cho phép ứng vốn bồi thường, việc giải ngân không lệ thuộc vào ngân sách,... đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho địa phương triển khai nhanh nhà ở theo các cụm tuyến dân cư.

Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư vượt lũ là chủ trương hoàn toàn đúng đắn, phù hợp thực tiễn vùng sông nước ĐBSCL, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Tính ưu việt của phương thức cho vay bằng nền nhà (vốn ngân sách) và nhà ở trả chậm (vốn NHCSXH) thực sự đã phát huy hiệu quả, nhiều ngôi nhà của hộ nghèo thường xuyên bị đe dọa bởi sạt lở khi mùa nước từ nguồn đổ về hàng năm đã có chỗ ở ổn định, trẻ em được đến trường, sinh hoạt cộng đồng dân cư vẫn bình thường kể cả những mùa nước lớn, chính quyền các cấp không phải lo di dời, cứu đói dân mà thay vào đó là việc tập trung hướng dẫn cho bà con thực hiện các mô hình sản xuất, khai thác lợi thế mùa nước nổi... tạo điều kiện an tâm phấn khởi trong dân.

Đến nay, tỉnh An Giang đã hoàn thành giai đoạn I của chương trình, gồm 203 cụm, tuyến dân cư, trên 28.500 hộ, gần 27.000 hộ dân nghèo, ngưỡng nghèo có nhà ở ổn định (trong đó có 22.568 hộ vay vốn chương trình nhà ở trả chậm ĐBSCL của NHCSXH), hạ tầng kỹ thuật thiết yếu như giao thông, cấp thoát nước, cấp điện sinh hoạt đạt từ 97 - 100% kế hoạch; đã góp phần tích cực đạt được các mục tiêu quan trọng: thực hiện chủ trương CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế của địa phương như: Xóa nhà tranh tre, nứa, lá tạm bợ, tăng tỷ lệ hộ được dùng điện, nước sạch ở nông thôn, một số cụm tuyến dân cư là hạt nhân để tiếp tục hình thành và phát triển các điểm đô thị. Tất cả những nỗ lực này đã góp phần giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai của cộng đồng và của cả hệ thống chính trị.

Để chủ động quản lý được những tác động của thiên tai đến phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo sự phát triển bền, UBND tỉnh cũng đã ra quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020, đồng thời phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020. Đồng thời các sở/ban ngành cũng đã xây dựng Chương trình phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của các ngành đến năm 2020.

Các kế hoạch hành động về phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai nói trên có nguy cơ bị chồng chéo, và thiếu cơ chế phối hợp chặt chẽ để có thể thực hiện được một cách có hiệu quả, vì vậy lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, của các ngành là vô cùng cấp thiết.

Cơ sở pháp lý để xây dựng Tài liệu hướng dẫn này là các văn bản định hướng của Nhà nước bao gồm *Định hướng Chiến lược Phát triển Bền vững* (Chương trình Nghị sự 21),

*Chiến lược Quốc gia Phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020*, Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ)....

Mục tiêu của việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 của tỉnh và của các ngành là, Thứ nhất, nâng cao hiệu quả công tác điều hành, tăng cường sự gắn kết và phối hợp thực hiện các kế hoạch hành động của ngành và địa phương trong việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm theo đúng quan điểm, nguyên tắc và mục tiêu của Chiến lược Quốc gia. Thứ hai, tăng khả năng hợp tác giữa các bên liên quan và tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch ở ngành, các cấp; Thứ ba, tăng cơ hội huy động được nguồn lực và tài chính từ các tổ chức trong và ngoài nước; đảm bảo an toàn tính mạng cho người dân và giảm thiểu các thiệt hại đối với cơ sở hạ tầng, tài sản của nhân dân và Nhà nước. Đồng thời sự lồng ghép cũng tạo được sự quan tâm và tạo điều kiện của tất cả các ngành trong việc đối phó giảm nhẹ rủi ro thiên tai một cách toàn diện và hiệu quả. Thứ tư, việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm của các ngành sẽ cụ thể hóa kế hoạch hành động của Chiến lược Quốc gia qua Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai của tỉnh, Kế hoạch thực hiện đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai đến năm 2020, cũng như Kế hoạch phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai của tỉnh An Giang đến năm 2015 và Kế hoạch hàng năm. Việc lồng ghép sẽ giúp xác định rõ hơn các nhiệm vụ được ưu tiên; mục tiêu, nội dung, các tiêu chí, các giải pháp cụ thể và phân công trách nhiệm cho đơn vị thực hiện và đơn vị phối hợp, xác định được chính xác địa điểm thực hiện, thời gian thực hiện và nguồn lực cho từng nhiệm vụ được nêu trong kế hoạch hành động của các ngành, đồng thời có các giải pháp tài chính để thực hiện các giải pháp đó

### **Những lợi ích của việc lồng ghép**

Hầu hết những người tham gia thảo luận của cả các ban ngành của tỉnh An Giang đều cho rằng việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển 5 năm của các ngành sẽ mang lại những lợi ích to lớn:

- Tạo mức độ bền vững công trình và an toàn xã hội, hạn chế được những hình thái rủi ro mới do các công trình xây dựng tạo nên
- Đánh giá được rủi ro thiên tai cho từng vùng và xây dựng được các giải pháp phù hợp, có tính khả thi cao
- Tiên đoán được rủi ro thiên tai và hạn chế được hậu quả do thiên tai mang lại do sự kém hiểu biết hoặc thiếu thông tin
- Huy động được nguồn lực để xây dựng Quỹ phòng chống bão lụt, giảm nhẹ rủi ro thiên tai từ nhiều nguồn khác nhau
- Phát triển bền vững, công trình bền vững đem lại hiệu quả tốt hơn cho phát triển kinh tế và an toàn xã hội
- Giảm lãng phí, thất thoát, tránh được sự chồng chéo trong đầu tư
- Tăng năng suất, sản lượng cây trồng vật nuôi, tăng diện tích canh tác
- Nâng cao tính trách nhiệm, tính chủ động của cấp tỉnh, huyện
- Đảm bảo tính công bằng xã hội: các tỉnh có điều kiện tự nhiên không thuận lợi sẽ có chính sách ưu tiên hơn trong đầu tư cơ sở hạ tầng

- Giảm được tình trạng dễ bị tổn thương về mặt xã hội, góp phần xoá đói giảm nghèo bền vững
- Tăng thêm năng lực đối phó với thiên tai của cộng đồng, giảm nhóm dễ bị tổn thương và tình trạng dễ bị tổn thương
- Tạo điều kiện để các tỉnh tự xây dựng được các chính sách thể chế liên quan đến phòng chống thiên tai và phát triển kinh tế xã hội
- Gắn kết việc lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai với quy trình Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội sau khi đã được tăng cường ở các cấp địa phương; giao chính quyền địa phương chịu trách nhiệm thực hiện các kết quả, nhưng cho phép họ xây dựng các giải pháp phù hợp với hoàn cảnh thực tế của địa phương

Được sự hỗ trợ của Trung tâm Phòng chống Thiên tai Châu Á (ADPC) Chuyên gia tư vấn kỹ thuật đã tiến hành tham vấn ý kiến của các sở ban ngành của tỉnh và cùng các sở ban ngành xây dựng Sổ tay Hướng dẫn lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch phát triển 5 năm của các ban ngành.

Sổ tay Hướng dẫn lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch phát triển của các ngành:

- Ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- Ngành Giáo dục
- Ngành Y tế
- Ngành Tài nguyên và Môi trường, lĩnh vực quản lý tài nguyên nước
- Ngành Xây dựng
- Ngành Giao thông Vận tải
- Và nhận thức của cộng đồng về phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai (Vấn đề này sẽ được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển của các ngành, trên cơ sở Kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức của cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai

**Sổ tay này bao gồm:**

1. Giới thiệu.
2. Cơ sở pháp lý của chủ trương lồng ghép quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
3. Các quan điểm chỉ đạo và nguyên tắc lồng ghép
4. Quy trình và nội dung và phương pháp lồng ghép
5. Trách nhiệm thực hiện lồng ghép
6. Giám sát, đánh giá
7. Quy trình lập Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015 của tỉnh An Giang
8. Quy trình lập Kế hoạch của Ngành
  - ⇒ Quy trình lập Kế hoạch ngành NN&PTNT
  - ⇒ Quy trình lập Kế hoạch ngành Môi trường- Quản lý tài nguyên nước
  - ⇒ Quy trình lập Kế hoạch ngành Giáo dục

- ⇒ Quy trình lập Kế hoạch ngành Y tế
- ⇒ Quy trình lập Kế hoạch ngành Xây dựng
- ⇒ Quy trình lập Kế hoạch ngành Giao thông Vận Tải

## 9. Phụ lục

## **2. CƠ SỞ PHÁP LÝ CHO VIỆC LỒNG GHÉP GIÁM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN LINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH, NGÀNH**

### ***2.1 Các chính sách của chính phủ***

- Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam (Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam).
- Quyết định số 256 năm 1996, ngày 5/12/2001 Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 1548/QĐ-TTg về việc đầu tư tôn nền vượt lũ để xây dựng cụm tuyến dân cư vùng ngập sâu ĐBSCL
- Quyết định số 173/2001/QĐ-TTg ngày 06/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển KT-XH vùng ĐBSCL giai đoạn 2001 - 2005.
- Quyết định số 105/2002/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách cho các hộ dân vùng ngập lũ mua trả chậm nền nhà và nhà ở trong các cụm tuyến dân cư ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long;
- Quyết định số 204/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung đối tượng và cơ chế vay vốn xây dựng nhà ở thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long;
- Quyết định số 56/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 về việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để tiếp tục thực hiện các chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề của nông thôn giai đoạn 2009-2015.
- Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 (Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ)
- Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam
- Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009.
- Nghị quyết số 26\_NQ/TW ngày 05-08-2008 về nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa X
- Quyết định số 158/2008/QĐ ngày 02 tháng 12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.



- Nghị quyết số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 05 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành KHUNG chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2008-2020
- Chiến lược BVMT quốc gia đến 2010 và định hướng đến 2020
- Công văn số 4270/BNN-ĐĐ ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xây dựng kế hoạch quốc gia thực hiện đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
- Nghị quyết số 22-NQ/CP, ngày 23-9-2008, của Chính phủ về "Ban hành chính sách bảo hiểm nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường";
- Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020: "Nghiên cứu xây dựng quỹ tự lực tài chính, quỹ bảo hiểm về thiên tai";

## **2.2 Các chính sách và văn bản căn cứ cho việc lồng ghép (cấp tỉnh)**

### **UBND tỉnh đã ban hành:**

- Quyết định số 1706/2002/QĐ-UB ngày 12 tháng 7 năm 2002 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành chính sách giao đất nền nhà ở trong các cụm tuyến dân cư
- Quyết định số 2700/2005/QĐ-UB ngày 26 tháng 9 năm 2005 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh bổ sung đối tượng mua nhà trả chậm nền nhà và nhà ở trong các cụm tuyến dân cư vượt lũ trên địa bàn tỉnh An Giang
- Chương trình hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 của tỉnh An Giang
- Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai đến năm 2020 của tỉnh An Giang
- Quyết định 2278/QĐ-UBND ngày 30/10/2010 về việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội của tỉnh và các ngành
- Thông báo số 99/TB -UBND về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Huỳnh Thế Năng tại Hội nghị tổng kết năm 2009, triển khai kế hoạch năm 2010 về công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn
- Quyết định của UBND tỉnh An Giang số: 08/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 03 năm 2010 Sửa đổi một số Điều của Quy định về lịch thời vụ xuống giống lúa trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 76/2007/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh
- Thông báo số 213/TB-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh An Giang về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Huỳnh Thế Năng tại Hội nghị tổng kết hoạt động ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2009, triển khai kế hoạch năm 2010
- Quyết định số: 127/QĐ-UBND ngày 22/1/2008 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Đề án trồng cây lâm nghiệp phân tán tỉnh An Giang giai đoạn 2008-2010 trong đó có qui định trách nhiệm của từng cấp;
- Kế hoạch số 20/KH.UBND ngày 17 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phát động phong trào thi đua trồng cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn tỉnh An Giang trong hai năm: 2009-2010;
- Công văn số: 2159/UBND-KT ngày 16/6/2009 của UBND tỉnh An Giang về việc đề xuất biện pháp khắc phục trong việc trồng cây phân tán;

- Thông Báo của UBND tỉnh An Giang số 136/TB-UBND ngày 4-8-2009 về việc Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Huỳnh Thế Năng tại Hội nghị trực tuyến Sơ kết sản xuất vụ Hè Thu và triển khai kế hoạch sản xuất vụ Thu Đông, vụ Mùa năm 2009<sup>2</sup>
- Thông báo số 182/TB-UBND về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Huỳnh Thế Năng tại Hội thảo khoa học về cải thiện đất vùng canh tác lúa 03 vụ trong đê bao tại tỉnh An Giang
- Kế hoạch phòng chống Lụt bão và giảm nhẹ rủi ro thiên tai từ năm 2006 năm 2010 của tỉnh An Giang và năm 2011
- Quyết định tái thành lập Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh An Giang của UBND tỉnh An Giang hàng năm.
- Quyết định về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống GNTT tỉnh An Giang từ năm 2008 đến năm 2020
- Kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh An Giang từ nay đến năm 2020
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và TKCN các ngành
- Chương trình phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai thích ứng với Biến đổi khí hậu của ngành NN & PTNT An Giang đến năm 2020

#### **Các chương trình mục tiêu quốc gia tại An Giang**

- ⇒ Chương trình kiểm soát lũ của Đồng Bằng sông Cửu Long
- ⇒ Chương trình cụm tuyến dân cư
- ⇒ Chương trình Kiên cố hóa trường học
- ⇒ Chương trình cụm tuyến dân cư
- ⇒ Chương trình nhà ở cho người nghèo ở vùng thiên tai
- ⇒ Chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn
- ⇒ Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo (135) và việc làm
- ⇒ Chương trình mục tiêu quốc gia về Giáo dục và Đào Tạo
- ⇒ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 đến năm 2020 (Xây dựng đường giao thôn xã kèm theo Quyết định Quyết định 800/QĐ-TTg - Quyết định của Thủ tướng chính phủ ngày 04/06/2010)



Về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, sẽ hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở UBND xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã. Đến năm 2015 có 35% số xã đạt chuẩn (các trục đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa) và đến 2020 có 70% số xã đạt chuẩn.

Xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã là một trong những ưu tiên của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

### 3. Các quan điểm chỉ đạo

#### 3.1 Các quan điểm chỉ đạo chung

##### 3.1.1 Quan điểm trong Định hướng phát triển bền vững<sup>3</sup>

"Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường"; "Phát triển kinh tế-xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hoà giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học".

##### 3.1.2 Quan điểm trong Chiến lược Quốc gia về phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai<sup>4</sup>

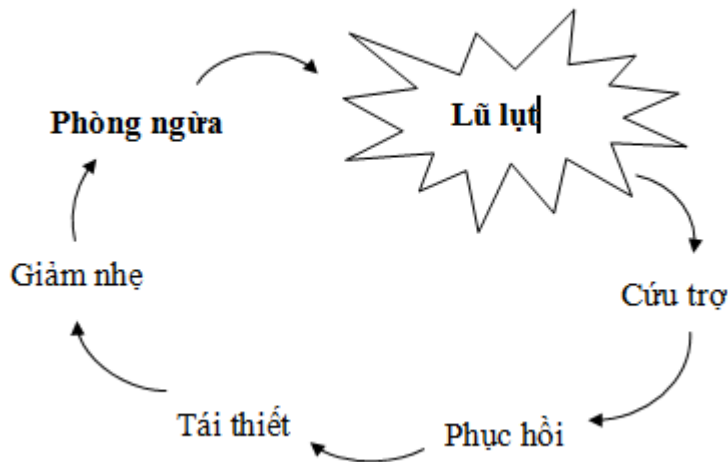
- Công tác phòng, chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai bao gồm: phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đảm bảo phát triển bền vững, góp phần ổn định xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng”;
- Các hoạt động phòng ngừa và giảm nhẹ rủi ro thiên tai được tiến hành có trọng tâm, trọng điểm; (có xếp hạng ưu tiên các hoạt động theo thời gian và theo nguồn lực) lồng ghép để ứng phó với những tác động của thiên tai cấp bách trước mắt và những tác động tiềm tàng lâu dài; đầu tư cho phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai là yếu tố quan trọng đảm bảo phát triển bền vững; ứng phó hôm nay sẽ giảm được thiệt hại trong tương lai.
- Các hoạt động phòng ngừa và giảm nhẹ rủi ro thiên tai là nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị → từ cấp Trung ương, tỉnh, huyện xã, thôn và của toàn xã hội → của các cấp, các ngành, các tổ chức, mọi người dân, vì vậy việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai phải được tiến hành từ các hộ gia đình. Để thực hiện được việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch Phát triển Kinh tế- xã hội cần được tiến hành với sự đồng thuận và quyết tâm cao, từ phạm vi địa phương, vùng, quốc gia đến khu vực. Để đảm bảo hạn chế tác hại của sông Mê Kông, tỉnh An Giang cần tiến hành hợp tác với các tỉnh khác trong lưu vực, và xa hơn là các nước khác trong vùng, đặc biệt các nước trên thượng nguồn như Lào, Thái Lan, Campuchia...
- Công tác phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai thực hiện theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, sử dụng hiệu quả nguồn lực của nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, đồng thời huy động mọi nguồn lực của cộng đồng thông qua sự đóng góp của cộng đồng cấp thôn/xã qua nhiều hình thức khác nhau, như đóng góp ngày công lao động công ích, đóng góp vật liệu, tiền mặt, và huy động sự đóng góp các sáng kiến từ cộng đồng trong việc phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai (lũ lụt)

<sup>3</sup> Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam

<sup>4</sup> Chương trình Quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020

- Đầu tư cho công tác phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai là yếu tố quan trọng để đảm bảo phát triển bền vững. Đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai phải kết hợp giữa các giải pháp công trình và phi công trình, thực hiện lợi dụng tổng hợp, đảm bảo hài hoà với thiên nhiên và cảnh quan môi trường.
- Theo quy trình quản lý thiên tai – lũ lụt, thì có các hoạt động can thiệp có thể được tiến hành trước, trong, sau khi lũ lụt xảy ra nhằm giảm đến mức tối thiểu những mất mát về người và tài sản, đồng thời thúc đẩy nhanh chóng quá trình khắc phục. Để đơn giản hoá vấn đề quản lý lũ lụt và lập kế hoạch phòng ngừa, giảm nhẹ lũ lụt, có thể áp dụng mô hình Chu trình quản lý lũ lụt như sau:

**Hình : CHU TRÌNH QUẢN LÝ LŨ LỤT**



Từ chu trình quản lý lũ lụt trên cho thấy khi thực hiện lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai (lũ lụt) cần chú ý lồng ghép vào tất cả các giai đoạn của chu kỳ quản lý

### ***Lồng ghép toàn diện***

- Nội dung phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai *phải được lồng ghép* trong các loại quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh như: Quy hoạch (tổng thể) Phát triển kinh tế xã hội của tỉnh (dài hạn, trung hạn và hàng năm), Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch sử dụng và khai thác tổng hợp các lưu vực sông; Quy hoạch các ngành như Quy hoạch thủy lợi, quy hoạch đê điều, quy hoạch các khu tái định cư, quy hoạch các khu nuôi trồng thủy sản, quy hoạch mạng lưới trường học và bệnh viện, trạm y tế, quy hoạch các khu công nghiệp, các khu du lịch, quy hoạch khai thác khoáng sản... và đặc biệt phải được lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào các Chiến lược phát triển chung của tỉnh và của các ngành, ví dụ Chiến lược phát triển Thủy lợi đến năm 2020 và tầm nhìn 2030; Chiến lược phát triển ngành trồng lúa...
- Lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai còn được lồng ghép vào Đề án xây dựng nông thôn mới qua việc xây dựng các Tiêu chí xây dựng nông thôn mới của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn An Giang, lồng ghép vào Kế hoạch phát triển ở các

cấp, các ngành, các địa phương, cả trong các văn bản quy phạm pháp luật cũng như tổ chức thực hiện;

- Ngoài ra, mỗi chương trình, mỗi dự án lớn đều phải được khuyến cáo về đánh giá rủi ro thiên tai, có đề xuất các giải pháp nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong quá trình thực hiện và trong giai đoạn vận hành, bảo trì. Các dự án có quy mô nhỏ đều phải có cam kết lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Việc lồng ghép toàn diện nhằm đảm bảo rằng các kế hoạch, chương trình phát triển và kể cả các tiểu dự án không tạo ra các hình thái thiên tai mới.

### ***Phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai lấy phòng ngừa là chính***

- Công tác phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai *lấy phòng ngừa là chính*, lấy thích ứng làm trọng tâm, cho nên cần phải phối hợp với các trường đại học của tỉnh và Đại học Cần Thơ, các tổ chức Quốc tế để tiến hành đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương cho từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, từng nhóm đối tượng dân cư (nhóm khá, nhóm trung bình, nhóm nghèo, nhóm dân tộc thiểu số, nhóm nam, nhóm nữ, nhóm theo các độ tuổi khác nhau) để xác định được khả năng ứng phó của từng nhóm đối tượng, từ đó ban hành các chính sách và có giải pháp phù hợp nhằm nâng cao năng lực đối phó cho từng nhóm đối tượng, đặc biệt quan tâm nhiều hơn nữa đến các nhóm dễ bị tổn thương như người nghèo, trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi... đồng thời xác định được chính xác nguyên nhân của những vấn đề còn tồn tại để đưa ra các giải pháp khắc phục.
- Cần xây dựng các giải pháp phòng ngừa, đồng thời cần xây dựng cả các giải pháp thích ứng với để đáp ứng được phương châm “Sống chung với lũ” và hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản.

### **3.1.3 Quan điểm trong Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu**

Bên cạnh quan tâm đến các vấn đề thiên tai, cần quan tâm đến những hiện tượng biến đổi khí hậu xảy ra trên địa bàn tỉnh để có các giải pháp thích ứng và hạn chế thiệt hại do BĐKH gây ra và qua đó có được dự báo chính xác hơn về thiên tai

- Ứng phó với biến đổi khí hậu được tiến hành trên nguyên tắc phát triển bền vững, bảo đảm tính hệ thống, tổng hợp, ngành, liên ngành, vùng, liên vùng, bình đẳng về giới, xóa đói, giảm nghèo.
- Các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu được tiến hành có trọng tâm, trọng điểm; ứng phó với những tác động cấp bách trước mắt và những tác động tiềm tàng lâu dài; đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu là yếu tố quan trọng đảm bảo phát triển bền vững; ứng phó hôm nay sẽ giảm được thiệt hại trong tương lai. Ưu tiên đầu tư cho các hoạt động đa mục tiêu vừa giảm nhẹ rủi ro thiên tai vừa phát triển kinh tế, vừa đáp ứng nhu cầu xã hội, nhằm ứng phó giảm nhẹ rủi ro thiên tai của hôm nay và sẽ giảm được những thiệt hại lớn hơn nhiều trong tương lai;



- Ứng phó với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị, của toàn xã hội, của các cấp, các ngành, các tổ chức, mọi người dân và cần được tiến hành với sự đồng thuận và quyết tâm cao, từ phạm vi địa phương, vùng, quốc gia đến toàn cầu.
- Các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu phải được thể hiện trong các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, các địa phương, được thể chế hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật và được quán triệt trong tổ chức thực hiện.
- Triển khai ứng phó với biến đổi khí hậu theo nguyên tắc “Trách nhiệm chung nhưng có phân biệt” được xác định trong Công ước Khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Việt Nam sẽ thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nhẹ biến đổi khí hậu khi có sự hỗ trợ đầy đủ về vốn và chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển và các nguồn tài trợ quốc tế khác<sup>5</sup>.

### 3.2. Quan điểm thực hiện

- Lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai phải được tiến hành trên nguyên tắc phát triển bền vững, hệ thống, tổng hợp, ngành/liên ngành, vùng/liên vùng, bình đẳng về giới, xóa đói giảm nghèo
- Lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai ứng phó với thiên tai, (bão lụt) là nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị, của toàn xã hội, của các cấp, các ngành, các tổ chức, mọi người dân và cần được tiến hành với sự đồng thuận và quyết tâm cao, từ phạm vi địa phương, vùng, quốc gia đến toàn cầu.

Quan điểm sống chung với lũ: Với phương châm “Sống chung với lũ” trong lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai phải có các giải pháp “phòng ngừa” và các giải pháp “thích ứng”.

Đến nay, tỉnh An Giang đã hoàn thành giai đoạn I của chương trình, gồm 203 cụm, tuyến dân cư, trên 28.500 hộ, gần 27.000 hộ dân nghèo, ngưỡng nghèo có nhà ở ổn định (trong đó có 22.568 hộ vay vốn chương trình nhà ở trả chậm ĐBSCL của NHCSXH), hạ tầng kỹ thuật thiết yếu như giao thông, cấp thoát nước, cấp điện sinh hoạt đạt từ 97 - 100% kế hoạch; đã góp phần tích cực đạt được các mục tiêu quan trọng: thực hiện chủ trương CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế của địa phương như: Xóa nhà tranh tre, nứa, lá tạm bợ, tăng tỷ lệ hộ được dùng điện, nước sạch ở nông thôn, một số cụm tuyến dân cư là hạt nhân để tiếp tục hình thành và phát triển các điểm đô thị



Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư vượt lũ là chủ trương hoàn toàn đúng đắn, phù hợp thực tiễn vùng sông nước ĐBSCL, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Tính ưu việt của phương thức cho vay lãg nền nhà (vốn ngân sách) và nhà ở trả chậm (vốn NHCSXH) thực

sự đã phát huy hiệu quả, nhiều ngôi nhà của hộ nghèo thường xuyên bị đe dọa bởi sạt lở khi mùa nước từ nguồn đổ về hàng năm đã có chỗ ở ổn định, trẻ em được đến trường, sinh hoạt cộng đồng dân cư vẫn bình thường kể cả những mùa nước lớn, chính quyền các cấp không phải lo di dời, cứu đói dân mà thay vào đó là việc tập trung hướng dẫn cho bà con thực hiện các mô hình sản xuất, khai thác lợi thế mùa nước nổi... tạo điều kiện an tâm phần khởi trong dân.

- Quan điểm “Bốn tại chỗ” trong phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai



“*Phương châm bốn tại chỗ*” đã được Chính phủ đưa vào 2 Văn bản quy phạm pháp luật. Khoản d, Mục 7, Điều 10 trong chương III của Nghị định Số: 08/2006/NĐ-CP ngày 16/01/2006 của Chính Phủ, Quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão đã được sửa đổi, nêu rõ Ủy Ban Nhân dân nơi thường xuyên xảy ra thiên tai bão lụt phải “Tổ chức tập huấn,

diễn tập cho các lực lượng trực tiếp làm công tác phòng, chống lụt, bão, cứu hộ, cứu nạn”; chủ động xây dựng phương án đối phó, huy động mọi nguồn lực trên địa bàn theo phương châm “bốn tại chỗ: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ” để đối phó và khắc phục hậu quả của lụt, bão”.

Trong nguyên tắc chỉ đạo thứ 3 của Chiến lược Phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 được Chính phủ phê duyệt năm 2007 cũng nêu rõ: “Công tác phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai phải thực hiện theo phương châm “*bốn tại chỗ*” (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ) và chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”.

Mục tiêu của phương châm đối với lĩnh vực phòng, chống lụt bão vẫn là nhằm mục đích đạt hiệu quả cao nhất trong việc tổ chức phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tiến tới giảm thiệt hại về người, cơ sở vật chất và tài sản nhân dân, nhà nước do thiên tai gây ra trên cơ sở dựa vào nguồn lực tại chỗ.

#### **4. Các nguyên tắc lồng ghép**

##### ***4.1 Các nguyên tắc trong xây dựng Chương trình nghị sự của ngành và địa phương***<sup>6</sup>

4.1.1 Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương cần được xây dựng trên cơ sở phối hợp liên ngành và liên vùng; kết hợp chặt chẽ kế hoạch phát triển bền vững giữa ngành và vùng lãnh thổ; giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Việc gắn kết các yếu tố về kinh tế, xã hội và môi trường phải được thể hiện rõ trong kế hoạch phát triển bền vững của từng ngành, từng địa phương; phù hợp với chiến lược chung”.

<sup>6</sup> Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam

4.1.2 Trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương cần có sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan (các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, trường học, các tổ chức phi Chính phủ, các cơ quan Nhà nước và Chính phủ) và huy động rộng rãi sự tham gia của nhân dân. Tầm nhìn trung hạn, dài hạn; các mục tiêu, các chỉ tiêu phát triển bền vững và các giải pháp thực hiện đều được thảo luận, bàn bạc để có sự đồng thuận trong các cộng đồng dân cư ở các địa phương”.

4.1.3 Coi sự nghiệp phát triển bền vững là sự nghiệp của toàn dân, do dân và vì dân. Thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Huy động rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia vào các khâu: xây dựng kế hoạch hành động và phối hợp thực hiện kế hoạch đó; giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững; lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương”.

## ***4.2. Các nguyên tắc khi tiến hành lồng ghép***

4.2.1. Chủ động lồng ghép (gắn kết/tích hợp) nội dung quản lý rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ( bao gồm mục tiêu, các chỉ số phát triển và các giải pháp) vào tất cả các bước của quá trình xây dựng kế hoạch của tất cả các ngành, các lĩnh vực, các địa phương.

4.2.2. Lồng ghép hài hòa cả hai nhóm giải pháp: giải pháp phi công trình và giải pháp công trình.

4.2.3. Các giải pháp ưu tiên được lựa chọn phải đồng bộ, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với loại hình và đặc điểm của mỗi loại thiên tai cũng như mức độ ảnh hưởng có thể có của biến đổi khí hậu, phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của từng ngành, từng địa phương.

4.2.4 Nguyên tắc thiết kế các chính sách của phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai: thiết kế chính sách theo hướng khuyến khích tính chủ động của các tỉnh nằm trong các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, hạn chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào cấp trung ương. Cân đối giữa chính sách hỗ trợ của trung ương, tỉnh và các nguồn khác, tăng cường sự tham gia của cộng đồng một cách toàn diện (đóng góp ý tưởng sáng tạo, đóng góp vật chất, sức lao động, ngày công lao động...). Xây dựng hệ thống chính sách phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai từ dưới lên có sự tham gia của các bên liên quan và đặc biệt là từ đề xuất của các tỉnh, huyện, xã, và các ngành. Các chính sách phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và Kế hoạch hành động phải có quan hệ chặt chẽ với chương trình xây dựng nông thôn mới và chiến lược an sinh xã hội đến năm 2020 và các Quy hoạch phát triển của ngành.

Các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và kế hoạch phát triển của ngành (2011-2015) phải là bộ phận hữu cơ của Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai của tỉnh An Giang đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và kế hoạch phòng chống giảm nhẹ



rủi ro thiên tai của Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và TKCN. Con người, các quyền con người và đặc biệt sự an toàn của con người là trọng tâm của sự phát triển.

#### ***4.2.5 Đảm bảo tình đồng bộ, toàn diện, nhưng có sự ưu tiên***

Đảm bảo lồng ghép một cách đồng bộ và toàn diện các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển 5 năm và hành năm của các ngành, và các chương trình, dự án. Các Kế hoạch hành động (bao gồm các giải pháp công trình và phi công trình) của Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp An Giang đến năm 2020 và Kế hoạch Thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020; Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai đến năm 2020 phải được lồng ghép một cách toàn diện vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015 của tỉnh và các Kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015 của các ngành.

Các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai được lồng ghép và Kế hoạch phát triển của các ngành phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của ngành, khả năng ứng phó của ngành và cộng đồng. Các giải pháp phải được xếp hạng ưu tiên trước khi lồng ghép vào kế hoạch phát triển. Chú trọng cả các hoạt động phòng ngừa, ứng cứu và hồi phục, giải pháp về tổ chức thể chế, công trình và phi công trình, cơ chế điều phối giữa các cơ quan ban ngành làm căn cứ lồng ghép vào kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội của từng cấp.

*Lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai:* Bất cứ động thái nào, của bất cứ ngành nào đều đưa vấn đề giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào. Các dự án, chương trình đều phải có thẩm định rủi ro thiên tai, kể cả về phương diện kinh tế lẫn xã hội Ban hành chính sách “Đánh giá rủi ro thiên tai” và [bắt buộc thực hiện đánh giá tác động môi trường gắn liền với đánh giá tác động của RRTT khi triển khai các Quy hoạch, Chương trình và dự án lớn trên địa bàn toàn tỉnh An Giang, còn các dự án quy mô nhỏ thì cần có Cam Kết bảo vệ môi trường kết hợp với Cam kết giảm nhẹ thiên tai.](#)

Ưu tiên thu hút đầu tư các công trình đa mục tiêu, vừa có tác dụng phát triển kinh tế - xã hội vừa có tác dụng GNRRTT, nhất là ưu tiên các công trình đê kè, đê bao, thủy lợi nội đồng kết hợp với giao thông nông thôn... Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ kế hoạch các ngành, các cấp về kỹ năng lập kế hoạch và kỹ năng lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai<sup>7</sup>

#### ***4.2.6 Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ các ban ngành, các cấp về giảm nhẹ RRTT và thích ứng với BĐKH, các mục tiêu, biện pháp lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch phát triển của ngành.***

Chú trọng việc hệ thống hóa số liệu về rủi ro thiên tai, các dấu hiệu biến đổi khí hậu, tính dễ bị tổn thương của các nhóm đối tượng, có cơ chế chia sẻ thông tin tới các ngành<sup>8</sup> để làm căn cứ xây dựng kế hoạch lồng ghép.

<sup>7</sup> Bao gồm kỹ năng đánh giá tính trạng dễ bị tổn thương, đánh giá năng lực ứng phó của ngành, của cộng đồng, và kỹ năng phân tích rủi ro thiên tai, kỹ năng lập kế hoạch từ dưới lên...

<sup>8</sup> Hiện nay những văn bản như Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp, Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia, kế hoạch thực hiện đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020 vẫn đang được quản lý ở các cơ quan khác nhau và hầu hết cán bộ lập kế hoạch của các ngành chưa được tiếp cận với những tài liệu này, vì thế cần thiết phải có cơ chế chia sẻ tài liệu nói trên

Nêu rõ các định hướng phát triển kinh tế xã hội gắn với các giải pháp ưu tiên về giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho từng vùng miền cụ thể trong tỉnh, đặc biệt các huyện xã nằm đầu nguồn dòng chảy, có vị trí thấp, thường xuyên xảy ra sạt lở bờ sông như huyện **Hồng Ngự, huyện Tân Hồng, huyện Châu Thành...**

Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ RRTT và thích ứng với BĐKH ngay từ cấp hộ gia đình. Tại các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai cần nghiên cứu việc hướng dẫn mỗi gia đình làm 1 bản kế hoạch/cam kết chống đỡ giảm nhẹ rủi ro thiên tai bằng văn bản, kết hợp với vai trò chỉ đạo mùa vụ, hỗ trợ về dịch vụ của Hợp tác xã và chính quyền cấp xã/ấp và các hội đoàn thể...

#### ***4.2.7 Thể chế hóa việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch phát triển của các ngành từ trung ương đến địa phương***

Chính phủ và tỉnh chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về kế hoạch lồng ghép chỉ đưa ra những định hướng chung; Việc thực hiện lồng ghép chưa được tiến hành đồng bộ ở tất cả các Ngành, chỉ có những Ngành có liên quan trực tiếp hoặc chịu ảnh hưởng lớn về quy hoạch và kế hoạch phát triển của Ngành như Nông nghiệp, Giao thông, Xây dựng, Hội chữ thập đỏ, ... mới có sự lồng ghép tuy nhiên vẫn chưa có đánh giá về mặt chất lượng của sự lồng ghép và chưa có một đơn vị có chức năng thẩm định hay điều tra, thu thập thông tin về việc lồng ghép, quản lý thiên tai trong quy hoạch của các Ngành.

*Hiện nay, ở các cấp đều đang có 05 bản kế hoạch riêng biệt:*

- ⇒ Chương trình hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai hàng năm và đến năm 2020;
- ⇒ Chương trình hành động thực hiện Chương trình hành động quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh An Giang đến năm 2020
- ⇒ Chương trình hành động thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020
- ⇒ Kế hoạch phòng chống lụt bão của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh hàng năm và 5 năm
- ⇒ Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở các cấp hàng năm, 05 năm 2011-2015 và Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020

Các kế hoạch này tách rời nhau và chưa được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và của các ngành. Các hoạt động đề xuất ở các văn bản trên có nguy cơ bị chồng chéo, trùng lặp và hạn chế tính khả thi, cơ chế phối hợp giữa các ngành còn nhiều khó khăn, hạn chế... Vì vậy cần thiết phải có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội của tỉnh và các kế hoạch phát triển của các ngành. Các giải pháp (Công trình và phi công trình) được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và của các ngành phải là bộ phận hữu cơ của 5 văn bản nói trên.

## **5. Ngân sách lồng ghép:**

### ***5.1 Cấp trung ương***

Cần phân bổ ngân sách với một tỷ lệ hợp lý dành riêng cho các hoạt động phòng ngừa, ứng cứu, phục hồi nhằm GRRTT (ví dụ 5%). Việc này cần có văn bản hướng dẫn cụ thể

cho các địa phương khi triển khai thực hiện Luật Ngân sách, không liên quan đến khoản ngân sách dự phòng hàng năm.

Dự trù ngân sách cho các giải pháp công trình và các giải pháp phi công như nhau.

Phân bổ kinh phí theo năm tài chính cho các tỉnh ngay từ đầu năm cùng với Ngân sách chi thường xuyên

Một số Chương trình Mục tiêu quốc gia cần đẩy mạnh sự phân cấp, để tùy theo từng hoạt động tỉnh, huyện, xã chủ động thực hiện đáp ứng được tính khẩn cấp, nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai hiệu quả hơn

## **5.2 Cấp tỉnh**

Tăng cường kiểm tra, giám sát để tăng hiệu quả của các công trình dự án giảm nhẹ rủi ro thiên tai, đồng thời đảm bảo nguồn vốn sử dụng đúng mục đích ban đầu

Có cơ chế tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào quá trình thực hiện dự án, như hoạt động giám sát cộng đồng, cộng đồng tham gia vào giai đoạn vận hành, bảo dưỡng công trình.

Khuyến khích cộng đồng đóng góp trí tuệ, thông qua các sáng kiến, ngày công lao động, vật chất như tự nguyện giải phóng mặt bằng đối với các công trình giảm nhẹ rủi ro thiên tai, hiến đất xây dựng công trình, hoặc vật liệu, tiền mặt...có các hình thức vận động và khen thưởng phù hợp để khuyến khích và nhân rộng các Mô hình tốt.

Phương thức tiếp cận là phát huy nguồn nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn vốn quốc tế để thực hiện Chương trình theo các nguyên tắc chung:

- Tranh thủ nguồn vốn quốc tế (vốn viện trợ không hoàn lại, vốn vay) cùng với nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng nhà nước và triệt để huy động nguồn vốn trong dân;
- Sử dụng cơ cấu vốn hợp lý, trong đó vốn ngân sách có tác dụng hỗ trợ và kích thích các nguồn vốn khác;
- Khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư của doanh nghiệp và tư nhân với mọi hình thức.

### **Phương thức huy động vốn**

Đổi mới giải pháp huy động nguồn tài chính của cộng đồng, lấy xã hội hóa nguồn tài chính làm trọng tâm: vận động và tổ chức, tạo cơ sở pháp lý để khuyến khích sự tham gia của nhân dân, của các thành phần kinh tế và toàn xã hội đầu tư vào sự nghiệp ứng phó với BĐKH; phát huy nội lực người sử dụng đóng góp một phần chi phí xây dựng và toàn bộ chi phí vận hành, duy tu bảo dưỡng và quản lý công trình; vận động các nhà tài trợ để thu hút thêm vốn ODA và các nguồn tài trợ khác cho Chương trình. Tập trung ưu tiên cho các huyện đầu nguồn, các vùng khó khăn và các vùng thường xuyên bị thiên tai.

### **Về công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp:**

Trong quá trình lập kế hoạch, công tác chỉ đạo, điều hành, thống nhất về một đầu mối rất quan trọng. Do vậy, lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư đóng vai trò rất quan trọng trong việc chỉ đạo trực tiếp các sở ban ngành của tỉnh trong quá trình lập kế hoạch phát triển

kinh tế xã hội của tỉnh và giám sát việc lập kế hoạch của các ngành nhằm đảm bảo kế hoạch phát triển của các ngành đều có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai đầy đủ và có sự phối hợp giữa các ngành liên quan

## **Về cơ chế đầu tư**

Phân cấp mạnh cho các tỉnh, huyện, xã chủ động trong việc đầu tư và thực hiện các hoạt động phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai đã được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội (theo quy định về vốn của Chương trình xây dựng nông thôn mới)<sup>9</sup> với cơ chế phân cấp này cộng đồng sẽ được tham gia trực tiếp vào quá trình thực hiện dự án

## **6. QUY TRÌNH, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LỒNG GHÉP**

### ***Bước 1: Rà soát, đánh giá tình hình thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu tại địa phương***

#### ***Hoạt động 1: Rà soát tình hình thiên tai thường xảy ra ở địa phương<sup>10</sup>***

Căn cứ Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống lụt, bão – Giảm nhẹ rủi ro thiên tai hàng năm và 5 năm của các Sở, ngành, các quận/huyện và của tỉnh, khẳng định rõ những loại thiên tai nào thường xảy ra trên địa bàn tỉnh? Tần suất xuất hiện của mỗi loại thiên tai? Trong những loại thiên tai đó, loại nào là nguy hiểm nhất, gây tác hại nặng nề nhất về kinh tế, xã hội và môi trường? Và tác hại đối với từng ngành

#### ***Hoạt động 2: Đánh giá thiệt hại do thiên tai và Biến đổi khí hậu gây ra đối với toàn tỉnh và đối với các ngành***

Căn cứ Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống lụt, bão - Giảm nhẹ rủi ro thiên tai hàng năm và 5 năm của các Sở, ngành, các quận/huyện và của tỉnh, Niên giám thống kê xuất bản hàng năm của tỉnh, tiến hành phân tích, đánh giá mức độ gây tác hại của thiên tai và biến đổi khí hậu đối với từng lĩnh vực (kinh tế, xã hội, môi trường) từng ngành, từng địa phương (quận, huyện). Kết quả phân tích, đánh giá tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu theo từng lĩnh vực, từng ngành, từng địa phương mới có thể thấy rõ bức tranh toàn cảnh cũng như cận cảnh các góc cạnh khác nhau do hậu quả thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra.

*Về lĩnh vực kinh tế:* Khi đánh giá tổng thiệt hại tính được bằng tiền phải so sánh chiếm bao nhiêu % so với GDP. Những thiệt hại không/chưa tính được thành tiền như: Việc ngừng trệ giao thông do thiên tai; tiến độ thi công các công trình bị kéo dài dẫn đến việc

<sup>9</sup> Đối với các công trình có giá trị trên 3 tỷ hoặc công trình có yêu cầu kỹ thuật cao thì việc lập báo cáo kinh tế – kỹ thuật và thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán phải do đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện. Việc lựa chọn tư vấn phải theo quy định hiện hành. UBND huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế – kỹ thuật các công trình có mức vốn đầu tư trên 3 tỷ đồng có nguồn gốc từ ngân sách và các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao; UBND xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế – kỹ thuật các công trình có mức vốn đầu tư đến 3 tỷ đồng có nguồn vốn từ ngân sách.

<sup>10</sup> Sở Tài Nguyên và Môi trường đang xây dựng đề cương và thuê tư vấn thực hiện xây dựng “Kế hoạch quản lý thiên tai tổng hợp của tỉnh An Giang đến năm 2020 và tầm nhìn 2030. Đây sẽ là tài liệu làm cơ sở về chuyên môn cho sự lồng ghép

chậm đưa công trình vào sử dụng; việc gieo trồng lại một số cây trồng sau thiên tai sẽ có năng suất thấp và ảnh hưởng tới lịch thời vụ của vụ sau; giá cả thị trường tăng lên trong và sau thiên tai vv... cũng cần được đề cập và phân tích một cách khách quan để thấy rõ hậu quả thực của thiên tai và biến đổi khí hậu. Mặt khác, để đảm bảo tính khách quan, trong phân tích đánh giá ở bước này cũng nên chỉnh sửa lại những số liệu thiệt hại trước đây mới ước tính nhanh khi thiên tai đang diễn ra, chưa thể có số liệu chính xác hoặc những số liệu bị trùng lặp trong quá trình thống kê giữa ngành và địa phương.

*Về lĩnh vực xã hội:* Trên cơ sở rà soát lại các đợt thiên tai lớn đã xảy ra trên địa bàn, tiến hành phân tích, đánh giá những hậu quả về mặt xã hội do thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra như: hậu quả về người chết, mất tích, bị thương; tình trạng dịch bệnh, đói nghèo, an ninh lương thực, giáo dục, trật tự an toàn xã hội. Cần chú ý đánh giá rõ nét hậu quả do thiên tai và biến đổi khí hậu đối với các đối tượng dễ bị tổn thương (người già, trẻ em, phụ nữ, người tàn tật, các hộ nghèo).

*Về lĩnh vực môi trường:* Cần tập trung phân tích, đánh giá sâu hậu quả do lũ, bão, úng ngập, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển đối với môi trường tự nhiên cũng như môi trường xã hội (cần chú ý sự tác động đến môi trường sống).

Trên cơ sở phân tích, đánh giá mức độ gây tác hại của thiên tai và biến đổi khí hậu đối với từng lĩnh vực (kinh tế, xã hội, môi trường) từng ngành, từng địa phương (quận, huyện) cần rút ra kết luận: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của tỉnh, của huyện/quận cũng như Kế hoạch phát triển của ngành đã đảm bảo yêu cầu *phát triển bền vững* chưa? Nếu chưa thì mức độ phát triển kém bền vững đã bộc lộ như thế nào? tập trung vào lĩnh vực nào? ngành nào? huyện/quận nào?

### ***Hoạt động 3: Nhận dạng các dấu hiệu và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đã diễn ra ở địa phương.***

Việc nghiên cứu, dự báo, cảnh báo, kết luận về tác động cụ thể do biến đổi khí hậu toàn cầu gây ra sẽ do các viện nghiên cứu, các trường đại học, các tổ chức hữu quan của thế giới cũng như của Quốc gia có chuyên môn cùng với các chuyên gia đầu ngành tiến hành theo cách tiếp cận riêng với những thiết bị quan trắc đặc biệt. Các kết quả nghiên cứu này sẽ tiếp tục được công bố tại các cuộc hội thảo trong và ngoài nước.

Để có được cơ sở khoa học cho việc lồng ghép thì các thông tin dự báo mang tính định lượng cần phải được cung cấp cho chính quyền và các nhà lập kế hoạch cấp tỉnh. Cụ thể là, cần xây dựng các kịch bản của biến đổi khí hậu (kịch bản về thay đổi nhiệt độ, lượng mưa...), các kịch bản về nước biển dâng, các mô hình thủy văn, trong tương lai cho từng tỉnh/thành phố. Các cơ sở khoa học này sẽ được sử dụng để xây dựng các bản đồ dự báo về ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn... Đây sẽ là nền tảng giúp các nhà lập kế hoạch và chính quyền địa phương trong việc ra lựa chọn và ra quyết định về các phương án phát triển kinh tế xã hội phù hợp và bền vững.

Tuy nhiên, do nguy cơ biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng nên các tỉnh cũng như cộng đồng địa phương có thể phát hiện, nhận dạng một số dấu hiệu dị thường của thiên tai so với những “quy luật” có tính phổ biến trước đây, ví dụ như:

- Quỹ đạo bão di chuyển dần về các vĩ độ phía Nam và mùa bão lùi dần vào cuối năm và tần suất bão ngày càng cao;
- Tính thời vụ bị đảo lộn, không còn theo quy luật như trước đây, ví dụ Lũ về muộn hoặc về sớm hơn quy luật;
- Vào mùa mưa, lượng mưa hạn chế (Nắng gay gắt với nhiệt độ cao khác thường (có khi tới 40<sup>0</sup> C), nhiều sông, hồ bị cạn kiệt dẫn đến tình trạng hạn hán gay gắt; Tình trạng khô hạn nghiêm trọng trong mùa khô các năm 1998, 1999, 2003, và 2010.
- Các hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng gắt, nhiệt độ cao và thấp bất thường, mưa trái mùa, sóng nhiệt, các chất gây ô nhiễm không khí do BĐKH gây ra làm xuất hiện bệnh cúm A (H5N1), sốt xuất huyết, bệnh tả, tiêu chảy, thương hàn, hội chứng viêm đường hô hấp cấp (SARS), riêng các bệnh ngoài da và phụ khoa xuất hiện nhiều trong mùa lũ.
- Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc và sấm sét xảy ra từ tháng IV đến tháng XI hàng năm ở hầu hết các nơi trong tỉnh
- Cháy rừng xảy ra về mùa khô, mực nước xuống thấp, không khí khô hanh thường cháy ra cháy do người dân xâm nhập vào rừng gây ra...
- Một số loại sâu bệnh đối với cây trồng có biểu hiện kháng thuốc và khó phòng chống hơn, mức độ phát triển và lây lan nhanh hơn

Nếu một trong những dấu hiệu dị thường nêu trên tiếp tục xuất hiện thì thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh liệu có trầm trọng thêm? Và có thể đưa ra cảnh báo: ngành nào, lĩnh vực nào, khu vực nào trong tỉnh sẽ phải chịu ảnh hưởng nhiều nhất?

Việc sớm nhận biết dấu hiệu của biến đổi khí hậu dù mới ở mức định tính cũng có ý nghĩa rất quan trọng. Nếu không nhận biết sớm, không chủ động thích ứng thì khó có thể giảm nhẹ được thiệt hại do thiên tai gây ra trong tương lai. Do đó, Kế hoạch phát triển của các ngành cũng như Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh sẽ khó bền vững.

#### **Hoạt động 4: Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương**

Trên cơ sở các kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cũng như đánh giá trực trạng thiên tai thường xảy ra ở địa phương cần tiến hành đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương hiện tại và trong tương lai cho từng ngành, từng địa phương (quận, huyện) nhằm xác định các ngành, các khu vực, các nhóm đối tượng xã hội dễ bị tổn thương nhất. Các đánh giá về tính dễ bị tổn thương trong tương lai được thực hiện trên cơ sở xem xét, phân tích các kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cũng như dự báo về các thiên tai có sự đối chiếu với quy hoạch, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong tương lai của tỉnh. Kết quả đầu ra của hoạt động đánh giá này cần phản ánh rõ 3 mặt của tình trạng dễ bị tổn thương: (i) *tổn thương về vật chất*, (ii) *tổn thương về mặt xã hội - tổ chức* và (iii) *tổn thương về thái độ động cơ*. Khi đánh giá cần chú ý thích đáng đến sự khác nhau về tình trạng dễ bị tổn

thương theo giới tính giữa nam và nữ; theo mức sống: giữa người giàu và người nghèo; theo độ tuổi: người cao tuổi và người trẻ... Cần đặc biệt quan tâm đến nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm: người nghèo, trẻ em, người già cô đơn, nữ chủ hộ, người khuyết tật, Ngoài ra còn phải quan tâm đến vị trí cư trú của nhóm cư dân sống gần những nơi nguy hiểm ở các vùng thấp, vùng thường bị ngập lụt, các vùng hay bị lũ quét, sạt lở đất dọc theo các bờ sông, kênh rạch, ... hoặc theo đặc điểm nghề nghiệp nguy hiểm như nghề khai thác đánh bắt hải sản trên sông, nuôi trồng thủy hải sản trên sông, rạch; nghề vận tải đường sông, các địa điểm du lịch, các hộ không có nghề nghiệp ổn định thường xuyên đi chuyển đi kiếm việc làm...

Việc đánh giá rõ tình trạng dễ bị tổn thương như trên sẽ giúp chính quyền tỉnh và các nhà lập kế hoạch địa phương trong việc cân nhắc và xác định các ưu tiên về lồng ghép đối với các ngành và các khu vực trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của mình.

### **Hoạt động 5: Xác định nguyên nhân**

Trong quá trình phân tích để thấy rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến thiệt hại của từng lĩnh vực (kinh tế, xã hội và môi trường), của từng ngành, từng địa phương (quận, huyện) cần chú ý rà soát, đánh giá những nội dung quan trọng sau:

- 4.1. Việc dự báo, cảnh báo khí tượng - thủy văn cũng như các hiện tượng thiên tai bất thường khác thời gian qua có chính xác không? Những thông tin đó có được chuyển tải đến cơ sở và người dân kịp thời không?
- 4.2. Kế hoạch, phương án phòng ngừa thiên tai do tỉnh, huyện/quận, các sở, ngành đề ra đã sát với tình hình thực tế chưa? Có chủ động triển khai trước khi thiên tai (lũ lụt, bão...) xảy ra không?
- 4.3. Phương án di dời dân (nhất là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương) ra khỏi vùng nguy hiểm có được thực hiện triệt để và kịp thời không?
- 4.4. Các công trình cơ sở hạ tầng có được thiết kế, xây dựng phù hợp với quy chuẩn<sup>11</sup> do cơ quan có thẩm quyền ban hành không?
- 4.5. Những công trình xây dựng tại những vùng thường xuyên bị thiên tai có phù hợp với quy hoạch phòng lũ và tiêu chuẩn an toàn về lụt, bão, nước biển dâng chưa?
- 4.6. Cơ cấu mùa, vụ, giống cây trồng, vật nuôi có phù hợp với yêu cầu né tránh lụt, bão hoặc thích ứng với tình trạng ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn không?
- 4.7. Tàu, thuyền là phương tiện vận tải đường sông có đủ thiết bị thông tin liên lạc và phao cứu sinh trước xuất phát hay chưa? Có được đăng ký, đăng kiểm đúng với quy định hay chưa? Các tàu thuyền vận tải trên sông có đảm bảo chế độ an toàn và trọng tải vận

---

<sup>11</sup> Sau trận lụt năm 2000, UBND tỉnh An Giang đã ban hành văn bản Quy phạm quy định tất cả các công trình cơ sở hạ tầng phải được xây dựng với độ cao của nền phải bằng độ cao của đỉnh lũ năm 2000 + 0,5dm. Các công trình nhà ở hoặc cơ sở công cộng phải đảm bảo chống đỡ được bão cấp số 6



chuyển có đúng theo quy định hay không, đặc biệt là vào mùa mưa lũ<sup>12</sup>. Các cơ quan chức năng có thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ không?

4.8. Đã có đủ nơi tránh, trú bão an toàn cho tàu thuyền chưa? Tại các điểm trọng yếu đã tổ chức các điểm cấp cứu hay chưa<sup>13</sup>

4.9. Công tác ứ hộ, cứu nạn (đối với con người, tàu thuyền, công trình... đang bị lũ, bão uy hiếp) có được triển khai kịp thời và hiệu quả không?

4.10. Phương châm “lấn tại chỗ” được các cấp (tỉnh, huyện, xã, các ngành... thực hiện như thế nào?

***Bước 2: Rà soát, nắm chắc mục tiêu, các giải pháp, các Chương trình, Dự án cụ thể của tỉnh nhằm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra và nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu để có căn cứ lựa chọn các nội dung cần lồng ghép.***

*Hoạt động 1:* Rà soát, nghiên cứu, tìm hiểu “Chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020” và Kế hoạch Phòng chống Lụt bão và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai hàng năm của tỉnh và Kế hoạch hành động của tỉnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh An Giang đến năm 2020; Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020

Đến nay tỉnh An Giang đã xây dựng xong Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020. Chiến lược ứng phó với Biến đổi khí hậu đến năm 2020. Đây là những tài liệu rất bổ ích và khá đầy đủ để các ngành tham khảo lựa chọn các giải pháp, hoạt động phục vụ cho việc lồng ghép vào kế hoạch trung hạn (5 năm) và kế hoạch hàng năm của ngành.

- Hàng năm BCH PCLB&TKCN tỉnh An Giang và các ngành đều tiến hành tổng kết công tác phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ rủi ro thiên tai của năm trước, đồng thời đề ra Kế hoạch cùng các giải pháp thực hiện cụ thể cho năm tiếp theo<sup>14</sup>.
- Các cán bộ/chuyên viên trực tiếp tham gia hoạch định Kế hoạch (dài hạn, trung hạn và hàng năm) của Sở, ngành hoặc Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện cần nghiên cứu, tìm hiểu kỹ, nắm chắc nội dung của các văn bản trên, lựa chọn cho được những nội dung cụ thể, nhất là những vấn đề cần ưu tiên về quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện/quận hoặc Kế hoạch phát triển của Sở,

<sup>12</sup> Theo quy định, vào mùa mưa lũ các phương tiện vận tải đường sông phải giảm 10% trọng tải của tàu thuyền để đảm bảo tính an toàn cho tàu thuyền và không góp phần làm sạt lở bờ sông

<sup>13</sup> Để giảm nhẹ rủi ro thiên tai, vào mùa mưa lũ sở Y tế phối hợp với các bên liên quan như Hội chữ thập đỏ cơ sở, xung kích thôn/xã, cán bộ y tế cơ sở, các tình nguyện viên lập các điểm cấp cứu tại các địa điểm xung yếu như bến phà, bến đò... để cấp cứu các trường hợp xảy ra do thiên tai lũ lụt, bão, sạt lở đất...

<sup>14</sup> Hoạt động này hiện nay chưa được gắn kết với các tài liệu có liên quan với nói trên (như Kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai tổng hợp đến năm 2020...) và sự phối hợp và tham gia của các ngành liên quan chưa thật sự hiệu quả



ngành. Đồng thời thông qua ”Biểu mẫu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương” để thu thập thông tin tại các xã, các điểm thường xuyên xảy ra lũ lụt, thiên tai để bổ sung thêm các hoạt động cần thiết.

### **Hoạt động 2: Phát hiện, đề xuất.**

Trong quá trình nghiên cứu các văn bản trên, ngoài yêu cầu nắm chắc nội dung, các cán bộ/chuyên viên lập kế hoạch cần chú ý:

- Phát hiện những nội dung phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu tương thích có thể và cần lồng ghép vào quá trình lập Kế hoạch phát triển của ngành và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;
- Phát hiện và đề xuất với các cơ quan hữu quan những vấn đề có quan hệ liên ngành, liên vùng cần phối hợp, gắn kết chặt chẽ với nhau;
- Phát hiện, đề xuất các giải pháp cần bổ sung kịp thời để thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là ở những vùng có nguy cơ cao mà trong Chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai, và Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020 chưa đề cập tới (thông qua việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương từ cấp cơ sở thu thập được từ bảng biểu đi kèm)

### **Bước 3: Tiến hành lồng ghép**

3.1.1. Quán triệt và vận dụng tốt các nguyên tắc nêu trên

3.1.2. Chú ý thích đáng những nội dung cần ưu tiên, nhưng không bỏ sót các nội dung khác có thể lồng ghép, đồng thời phải loại bỏ những nội dung chồng chéo, đảm bảo tính thống nhất, tính đồng bộ giữa 2 nhóm giải pháp, sự gắn kết hài hòa giữa ngành, lĩnh vực và vùng, lãnh thổ.

3.1.3. Dù được lồng ghép trực tiếp hay gián tiếp, nhưng quá trình tiến hành tổng hợp của Sở Kế hoạch và Đầu tư phải chắc chắn rằng: mục tiêu tổng quát, các mục tiêu cụ thể, hệ thống các chỉ tiêu phát triển, các giải pháp đã lựa chọn cũng như nhu cầu về nguồn lực để đảm bảo thực hiện mục tiêu đều đã được xem xét kỹ và được lồng ghép hài hòa các nội dung quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trong Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra, đảm bảo phát triển bền vững. Những nội dung tuy không lồng ghép trực tiếp được trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đều có trong Kế hoạch phát triển của các Sở, ngành, các huyện/quận và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh An Giang

### **3.2. Phương pháp lồng ghép.**

3.2.1. Lồng ghép phòng tránh rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào các quy hoạch:

- *Các loại quy hoạch như:* quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch dân cư; quy hoạch các khu tái định cư; quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch quản lý, khai thác tổng hợp lưu vực sông; quy hoạch giao thông; quy hoạch thủy lợi; quy hoạch phòng lũ, quy hoạch đê điều; quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng; quy hoạch các khu nuôi trồng thủy, hải sản; quy hoạch các đồng muối; quy hoạch mạng lưới các trường học, trạm xá, bệnh viện; quy hoạch các khu công nghiệp; quy hoạch khai thác khoáng sản; quy hoạch các khu du lịch vv... đều cần được tiến hành lồng ghép các nội dung quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào trong các quy hoạch đó.
- *Đối với những quy hoạch đã có:* Cần tiến hành rà soát, bổ sung các nội dung phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu mà trước đây chưa đề cập tới hoặc đã có đề cập nhưng chưa phù hợp với quy hoạch và tiêu chuẩn phòng tránh lũ, bão, sạt lở đất, xâm nhập mặn, nước biển dâng hoặc có nguy cơ gây mất an toàn cho hệ thống công trình chuyên dùng phòng, chống thiên tai. Qua rà soát, nếu phát hiện những nội dung nào trong quy hoạch không thể bảo đảm an toàn, không thể phát triển bền vững trước nguy cơ thiên tai và biến đổi khí hậu thì cần kiên quyết điều chỉnh.
- Đối với những quy hoạch của từng ngành, từng lĩnh vực của tỉnh An Giang đang và sẽ tiến hành xây dựng thì cần lồng ghép ngay các nội dung của Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 của tỉnh An Giang vào trong quy hoạch đó.

3.2.2. Lồng ghép nội dung phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (dài hạn, trung hạn và ngắn hạn) và Kế hoạch phát triển ngành:

- Lồng ghép nội dung của bước 1 (*Rà soát, đánh giá tình hình thiên tai và biến đổi khí hậu tại địa phương*) vào ngay bước điều tra cơ bản, đánh giá thuận lợi, khó khăn, thách thức; xác định nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của kỳ kế hoạch của tỉnh, huyện hoặc nhu cầu phát triển ngành của các Sở, ngành. Để có căn cứ khoa học, thực tiễn đánh giá tình hình thiên tai; lồng ghép nội dung quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào các loại quy hoạch tổng hợp cũng như quy hoạch chuyên ngành, cần ưu tiên đi trước một bước việc lập bản đồ phân vùng: *ngập lụt; bão; sạt lở đất.; động đất; sóng thần; xâm nhập mặn; úng ngập; hạn hán; lũ quét; ...*
- Lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào ngay từ Mục tiêu tổng quát và các Mục tiêu cụ thể của Kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội (dài hạn, trung hạn và ngắn hạn) của tỉnh, huyện *cũng như Kế hoạch phát triển của ngành.*
- *Khi xây dựng* hệ thống các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhất thiết phải kiểm tra xem đã được tính toán đầy đủ đến các tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu chưa? Đã có đủ các giải pháp chủ động phòng ngừa, đối phó, khôi phục và tái thiết chưa? Nếu chỉ tiêu nào chưa được tính toán, tính toán chưa phù hợp hoặc

đã tính đúng tính đủ nhưng chưa có các giải pháp tương ứng thì nhất thiết phải điều chỉnh, bổ sung để bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn và tính vững chắc của kế hoạch.

- *Lồng ghép về hệ thống các nhóm giải pháp thực hiện kế hoạch.*  
Khi xây dựng các nhóm giải pháp của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện cũng như Kế hoạch phát triển của ngành cần phải lựa chọn, sàng lọc từ các giải pháp đã được nghiên cứu, đề xuất trong Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia giảm nhẹ rủi ro thiên tai của tỉnh An Giang đến năm 2020, từ Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để có được đầy đủ các giải pháp hợp lý nhất, lồng ghép hài hòa với nhau thành một thể thống nhất, đồng thời cũng cần chú ý loại bỏ những giải pháp chồng chéo, trùng lặp giữa kế hoạch ngành với kế hoạch của địa phương (quận, huyện.). Bên cạnh đó hàng năm cũng như trước khi lập Kế hoạch 5 năm cần thu thập thông tin (qua biểu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập Kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai cho từng ngành) và lập Kế hoạch giảm nhẹ thiên tai bổ sung nhằm đáp ứng được những nhu cầu cấp bách nhất

### 3.2.3. Lồng ghép nội dung phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào các Chương trình, Dự án.

- Đối với những Chương trình, Dự án, đề án, (kể cả Kế hoạch xây dựng nông thôn mới) đã có: Cần tiến hành rà soát, bổ sung các nội dung phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Qua rà soát, nếu phát hiện những nội dung nào trong Chương trình, Dự án đề án, kế hoạch không thể bảo đảm an toàn, không thể phát triển bền vững trước nguy cơ của thiên tai và biến đổi khí hậu thì cần kiên quyết điều chỉnh.
- Hồ sơ xin trình duyệt của các Chương trình, Dự án dự định triển khai trên địa bàn tỉnh gửi tới cấp có thẩm quyền để chờ phê duyệt nhất thiết phải có Báo cáo thẩm định, đánh giá tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu cũng như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Chương trình, Dự án cũng như tính hợp lý, tính khả thi và hiệu quả của các giải pháp nhằm hạn chế thiệt hại do thiên tai và biến đổi khí hậu có thể gây ra<sup>15</sup>.
- Đối với những Chương trình, Dự án của các ngành hoặc của các huyện của các chủ đầu tư khác trên địa bàn tỉnh đang hoặc sẽ tiến hành xây dựng thì cần lồng

---

<sup>15</sup> Hiện nay mới có quy định về đánh giá môi trường đối với các dự án lớn và Cam kết bảo vệ môi trường của các dự án nhỏ. Trong đánh giá môi trường tuy đã có lồng ghép đánh giá rủi ro thiên tai, nhưng việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai chưa được đề cập đến một cách toàn diện. Trong các giải pháp hạn chế tác động của môi trường, chưa có các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai, cho nên một số công trình sau khi hoàn thành, hoặc trong giai đoạn xây dựng có thể sinh ra các hình thái thiên tai mới... Cho nên cần thiết phải có quy định bắt buộc “Đánh giá rủi ro thiên tai” đối với các dự án chương trình lớn và “Cam kết giảm nhẹ rủi ro thiên tai” vào tất cả các dự án, chương trình có quy mô nhỏ hơn

ghép ngay các nội dung của Chương trình, kế hoạch của tỉnh thực hiện Chiến lược Quốc gia về giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 vào trong *Chương trình, Dự án đó*.

### **3.3. Trách nhiệm thực hiện lồng ghép**

3.3.1. Quy hoạch, kế hoạch, Chương trình của ngành nào, địa phương nào thì ngành đó, địa phương đó chịu trách nhiệm lồng ghép.

3.3.2. Dự án của chủ đầu tư nào thì chủ đầu tư đó chịu trách nhiệm lồng ghép.

3.3.3. Trong quá trình lập Kế hoạch phát triển, các Sở, ngành, các địa phương cần có báo cáo riêng về nội dung, yêu cầu, giải pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai để bảo đảm phát triển bền vững. Thường trực Ban Chỉ huy PCLB&TKCN tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp UBND tỉnh kiểm tra các nội dung về quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu mà các Sở, ngành, các huyện/quận, chủ đầu tư các Chương trình, Dự án lớn đã lồng ghép. Qua kiểm tra, nếu phát hiện thấy có những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung thì tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hữu quan thực hiện.

3.3.4. Sở Kế hoạch & Đầu tư, Thường trực BCH PCLB&TKCN tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường đồng chủ trì trong việc phối hợp các Sở, ngành, các huyện/quận thực hiện lồng ghép những nội dung về quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu có tính liên ngành, liên vùng.

3.3.5. Sở Kế hoạch & Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp các nội dung đã lồng ghép trong Kế hoạch phát triển của các Sở, ngành, địa phương lồng ghép chung vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, Sở cũng chủ trì phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy PCLB&TKCN tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở tài nguyên & Môi trường rà soát lần cuối cùng để chắc chắn rằng dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã đáp ứng được yêu cầu bền vững và hài hòa về cả 3 mặt: kinh tế, xã hội và môi trường trước khi Sở Kế hoạch & Đầu tư trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

#### **Đưa BĐKH vào quy hoạch không gian**

...Cho dù các thương lượng quốc tế về khí hậu đang diễn ra có thành công và dẫn tới việc rót thêm tiền cho các nước đang phát triển thì phần lớn nguồn lực sẽ phải đến từ trong nước. Việc tích lũy thu nhập và lập kế hoạch ngân sách ở các khu vực, địa phương phản ánh thực tế là cần nhiều chi phí cho các hành động thích ứng và đối phó với BĐKH.

Thách thức lớn là việc lập quy hoạch không gian ở Việt Nam, đặc biệt là mở rộng các thị trấn, thành phố cần khẩn trương cân nhắc tới các tác động của BĐKH. Trong tương lai chúng ta sẽ cần tới các đồng bằng bãi bồi đang tồn tại và vì thế không nên làm xói mòn chức năng của chúng trong quá trình đô thị hóa. Nhiều đồng bằng bồi đắp cũng cung cấp nguồn đất đai phì nhiêu cho trồng lúa, nên dù chịu tác động nước biển dâng cao và nước mặn xâm chiếm, lũ lụt và hạn hán đe dọa, Việt Nam vẫn phải duy trì sản xuất lúa gạo cho tiêu dùng nội địa và cung cấp lương thực cho thế giới. Vì thế từ quan điểm an ninh lương thực, các cánh đồng đó cần được bảo vệ để khỏi biến thành các khu công nghiệp hay khu dân cư.

## **7. GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ LỒNG GHÉP**

### **7.1. Mục đích giám sát đánh giá hiệu quả lồng ghép**

*Đánh giá hiệu quả lồng ghép nhằm:*

7.1.1. Khẳng định việc lồng ghép các nội dung quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu đã góp phần bảo đảm phát triển bền vững của các ngành, lĩnh vực cũng như Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến mức nào;

7.1.2. Phát hiện những mặt còn thiếu sót, hạn chế cả về nội dung, phương pháp cần khắc phục, sửa đổi, bổ sung để việc lồng ghép ngày càng có hiệu quả thiết thực.

### **7.2. Tiêu chí đánh giá kết quả lồng ghép**

7.2.1. Số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra trong kế hoạch đã có sự lồng ghép nội dung giảm nhẹ rủi ro thiên tai (bao gồm cả giải pháp công trình và giải pháp phi công trình) và thích ứng với biến đổi khí hậu;

7.2.2. Nguồn lực thực tế đã được huy động để đầu tư cho nhu cầu phòng ngừa, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; So với nhu cầu đã đáp ứng được bao nhiêu phần trăm?

7.2.3. Hiệu quả đầu tư đã phát huy tác dụng như thế nào trong việc giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra ;

7.2.4. Thiệt hại về vật chất do thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra so với GDP của tỉnh, của ngành sau khi đã thực hiện việc lồng ghép? Mức độ tăng, giảm so với trước khi lồng ghép?;

7.2.5. Các tác động của rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với các vấn đề xã hội như; mức độ sang chấn về tinh thần của người thân những người bị chết, bị thương, mất tích do thiên tai; vấn đề nhà ở của những gia đình bị thiên tai tàn phá; tình hình đói nghèo;

sinh kế của người dân; tình hình dịch bệnh; dịch vụ y tế; mức độ ảnh hưởng việc học hành của học sinh; mức độ phải đóng góp của người dân để khôi phục trường học, bệnh xá bị hư hỏng đã có chuyển biến gì sau khi đã thực hiện lồng ghép;

7.2.6. Mức độ hủy hoại môi trường do thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra tăng hay giảm so với trước khi thực hiện lồng ghép? Kế hoạch trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn các sông suối; Kế hoạch trồng và bảo vệ cây chắn sóng ven sông, ven biển đạt được bao nhiêu phần trăm? Hiệu quả của việc trồng rừng, trồng cây chắn sóng trong việc giảm nhẹ rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu?

7.2.7. Có bao nhiêu văn bản quy phạm pháp luật và các cơ chế, chính sách liên quan đến phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu đã được sửa đổi, bổ sung? Hiệu quả của việc sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật và các cơ chế chính sách? Nhận thức của công đồng về phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu có chuyển biến gì mới?

7.2.8. Có bao nhiêu quy hoạch, chương trình, dự án đã được lồng ghép và chưa được lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu..

### ***7.3. Thời gian thực hiện đánh giá kết quả lồng ghép***

Mỗi năm đánh giá 1 lần kết hợp cùng với việc đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch của năm trước để chuẩn bị xây dựng kế hoạch năm sau.

Kết thúc Kế hoạch 5 năm đánh giá một lần kết hợp cùng với việc đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch của 5 năm trước để chuẩn bị xây dựng kế hoạch 5 năm sau.

### ***7.4. Trách nhiệm đánh giá hiệu quả lồng ghép***

1. Quy hoạch, kế hoạch, Chương trình của ngành nào, địa phương nào thì ngành đó, địa phương đó chịu trách nhiệm đánh giá hiệu quả lồng ghép.
2. Dự án của chủ đầu tư nào thì chủ đầu tư đó chịu trách nhiệm đánh giá hiệu quả lồng ghép.
3. Sở KH&ĐT chủ trì phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy PCLB &TKCN tỉnh, Sở NN&PTNT, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên & Môi trường thực hiện việc đánh giá hiệu quả lồng ghép các nội dung quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào quá trình lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## 8. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH AN GIANG ĐÃ CÓ SỰ LỒNG GHÉP- QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT

### Các bước lồng ghép

Về nguyên lý, việc lồng ghép cần được tiến hành ngay từ đầu của quá trình lập kế hoạch, cụ thể là ngay từ khâu hình thành ý tưởng, xây dựng “Mục tiêu chung”; “Mục tiêu cụ thể”, các “chỉ tiêu”, các “giải pháp” huy động và phân bổ các nguồn lực thực hiện cho đến khâu cuối cùng là đánh giá thực hiện kế hoạch, đúc rút bài học kinh nghiệm cho lập kế hoạch giai đoạn tiếp theo.

### *8.1 Quy trình lập Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh An Giang 5 năm 2011-2015 đã có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai - Phương án đề xuất*

#### **Khung 1. Quy trình lập Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh An Giang 5 năm 2011-2015**

Quy trình lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015 đã có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai - Phương án đề xuất bao gồm các bước như sau:

#### **Cấp quốc gia:**

#### ***Căn cứ pháp lý cho việc lập kế hoạch nói chung:***

- ⇒ Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03/06/2009 của Thủ Tướng chính phủ, về việc xây dựng Kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 6315/BKH - TH ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Bộ KH&ĐT, về việc xây dựng kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em

#### ***Căn cứ pháp lý lập kế hoạch có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai cấp quốc gia:***

- Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 (Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ)
- Quyết định số 158/2008/QĐ ngày 02 tháng 12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
- Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam
- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020.
- Nghị quyết số 26\_NQ/TW ngày 05-08-2008 về nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa X<sup>16</sup>

<sup>16</sup> Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

- Nghị quyết số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 05 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành KHUNG chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2008-2020
- Chiến lược BVMT quốc gia đến 2010 và định hướng đến 2020
- Nghị quyết số 22-NQ/CP, ngày 23-9-2008, của Chính phủ về "Ban hành chính sách bảo hiểm nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường";

### **Cấp tỉnh:**

#### Căn cứ pháp lý lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội:

- ⇒ Chỉ thị của UBND TỈNH ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc xây dựng KHPTKTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và 5 năm 2011-2015
- ⇒ Chỉ thị số 06/2010/CT-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2010 Về việc đổi mới công tác lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 và 5 năm (2011 - 2015) của UBND tỉnh An Giang

#### Căn cứ định hướng phát triển:

- Chiến lược tổng thể Phát triển Kinh tế - Xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020<sup>17</sup>
- Quy hoạch phát triển Kinh tế- Xã hội của tỉnh An Giang đến năm 2020
- Kết quả đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2006-2010
- Các Chương trình Mục tiêu Quốc gia thực hiện tại địa bàn tỉnh An Giang

#### Căn cứ định hướng cho việc lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch phát triển của các ngành:

- Chương trình hành động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu của tỉnh An Giang
- Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống giảm nhẹ thiên tai tỉnh An Giang đến năm 2020 (Ban hành kèm theo Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 30/10/2008 của UBND tỉnh An Giang)
- Chương trình hành động thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020 của tỉnh An Giang
- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của An Giang đến năm 2020<sup>18</sup>

#### Các bước lập kế hoạch có sự lồng ghép phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai:

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo... Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch

<sup>17</sup> Chiến lược tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 với mục tiêu là đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp, hiện đại và xếp vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình,

<sup>18</sup> Kế hoạch này đang được Sở Tài Nguyên Môi trường chuẩn bị thuê tư vấn thực hiện. Kinh phí đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt



### Bước 1:

- ⇒ Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND ban hành chỉ thị gửi cho các sở ban ngành, các huyện về việc hướng dẫn lập Kế hoạch 5 năm có lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành kèm theo các biểu mẫu thu thập thông tin theo công văn số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng Kế hoạch PTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em<sup>19</sup> và Biểu mẫu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập Kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai (xem ở phần Phụ lục)
- ⇒ Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản gửi các sở/ban ngành, huyện, thị xã, thị trấn về việc xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 có kèm theo các biểu mẫu thu thập thông tin và các biểu mẫu kèm theo số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em và “Biểu mẫu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập kế hoạch lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch PTKTXH của tỉnh và các ngành”.

### Nội dung Kế hoạch gồm 2 phần:

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2006-2010 và xây dựng định hướng Phát triển kinh tế xã hội 5 năm tiếp theo: 2011-2015

### Thời gian thực hiện:

Từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2010 đến hạn cuối cùng nộp báo cáo là 20 tháng 7 năm 2010 (Kế hoạch hàng năm cũng được xây dựng trong tháng 6- tháng 7 hàng năm)

Chú ý: Để tránh áp lực về mặt thời gian, việc “Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập Kế hoạch lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai” có thể thực hiện vào tháng 3-4 của năm và kết quả này phục vụ cho việc xây dựng Kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai của ngành và của Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và TKCN của tỉnh An Giang

### Phương pháp lập kế hoạch và phương pháp lồng ghép:

Văn bản của sở Kế hoạch Đầu tư gửi các sở, ngành liên quan có hướng dẫn các tài liệu định hướng lập kế hoạch của các ngành và tài liệu định hướng lập Kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch phát triển của các ngành (như đã được nêu trên)

### Bước 2:

Tập huấn thống nhất nâng cao kỹ năng lập kế hoạch theo phương pháp mới và hướng dẫn cách sử dụng biểu mẫu thu thập thông tin “Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch của ngành

### Thành phần tập huấn:

Cán bộ lập kế hoạch của các ngành và đại diện lãnh đạo các ngành cấp tỉnh, cán bộ lập kế hoạch cấp huyện và đại diện lãnh đạo huyện

### Bước 3:

<sup>19</sup> Công văn này kèm theo các biểu mẫu cả hai tỉnh An Giang và An Giang đã có (sở Kế hoạch Đầu tư)

⇒ Các sở ban ngành, huyện có Văn bản và kèm theo các biểu mẫu đã được sở KH&ĐT quy định như đã nói ở trên (xây dựng thêm các biểu mẫu bổ sung, nếu thấy cần thiết) gửi cho các xã thu thập thông tin (số liệu thống kê) liên quan đến ngành mình

**Ghi chú:** Lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai có thể được thu thập trước đó, vào tháng 3-tháng 4 hàng năm<sup>20</sup>

**Thông tin phục vụ cho lập kế hoạch ngành có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai:**

**Thông tin thứ cấp**

- Kết quả đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2006-2010
- Số liệu thống kê của tỉnh, huyện
- Báo cáo hàng năm (các sở có tham khảo số liệu của nhau)
- Chương trình hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai của tỉnh An Giang đến năm 2020
- Kế hoạch phòng chống lụt bão của Ban điều hành phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh An Giang đến năm 2020
- Chương trình hành động thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020

**Số liệu sơ cấp:** Thông tin thu được từ bảng biểu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập Kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thiên tai (được gửi cho các huyện → thu thập từ các xã)

**Bước 4:**

⇒ Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, cân đối và xây dựng Kế hoạch dự thảo.

**Bước 5:**

⇒ Tổ chức hội thảo góp ý cho bản Kế hoạch dự thảo (1 ngày)

**Thành phần tham gia hội thảo:**

- Đại diện UBND tỉnh
- Cán bộ trực tiếp lập kế hoạch (và lãnh đạo các cơ quan trực thuộc) các huyện
- Đại diện cấp huyện (11 huyện)
- Đại diện các sở liên quan, như sở kế hoạch và Đầu tư; Sở NNPTNT; Sở Giao Thông Vận Tải; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Tài Nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng, Cục thống kê; Sở Tài chính
- **Đại diện Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh**
- Đại diện các chủ đầu tư các dự án, chương trình quốc gia thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang
- Đại diện các tổ chức Quốc tế và các NGO quốc tế có dự án đầu tư tại tỉnh An Giang

*Tổ chức hội thảo theo phương pháp có sự tham gia, chia nhóm thảo luận theo các chủ đề khác nhau, các trưởng nhóm của các nhóm tập hợp ý kiến của nhóm mình và trình bày lại cho các nhóm khác góp ý, đặc biệt chú ý đến việc lựa chọn các giải pháp công*

<sup>20</sup> Gửi bảng biểu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và Lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào tháng 3-4 hàng năm. Kết quả này cũng để phục vụ cho Văn phòng Ban chỉ huy phòng chống lụt bão tỉnh lập Kế hoạch phòng chống lụt bão hàng năm

trình và phi công trình làm sao cho thật sự phù hợp và đảm bảo được tính “cấp thiết” cho từng ngành, liên ngành...đồng thời lựa chọn “cách thức” để lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Mục tiêu Chung, Mục tiêu cụ thể của Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh, từ đó xác định các chỉ tiêu phù hợp để thực hiện được Mục tiêu và Xây dựng Kế hoạch hành động trên cơ sở nguồn lực được huy động từ các nguồn khác nhau. Sở kế hoạch Tài chính, đại diện các chủ đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia, các dự án của Trung ương, các tổ chức phi chính phủ quốc tế sẽ đóng góp ý kiến về kinh phí thuộc lĩnh vực mà họ đầu tư trên địa bàn tỉnh An Giang

- ⇒ Phòng Tài chính Kế toán tập hợp các ý kiến đóng góp và chỉnh sửa hoàn thiện Kế hoạch (bao gồm cả việc xây dựng khung Giám sát) và trình HĐND tỉnh phê duyệt và Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định Phê duyệt cuối cùng vào tháng 12/2010 (và kế hoạch hàng năm cũng vào tháng 12 hàng năm)

Bước 6:

- ⇒ Gửi Báo cáo lên Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bên liên quan vào tháng 12/2010.

## **8.2 QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH 2011-2015**

### **8.2.1 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn –Phương án đề xuất**

#### **Khung số 2. Quy trình lập Kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015 của ngành Nông nghiệp Phát triển Nông thôn tỉnh An Giang có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành**

Quy trình lập kế hoạch phát triển 5 năm của ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành được xây dựng theo các bước như sau:

#### **Cấp quốc gia:**

##### Căn cứ pháp lý lập kế hoạch:

- ⇒ Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03/06/2009 của Thủ Tướng chính phủ, về việc xây dựng Kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 6315/BKH - TH ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Bộ KH&ĐT, về việc xây dựng kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em
- ⇒ Văn bản của Bộ nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về Phát triển Kế hoạch Phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 5 năm 2011-2015

##### Căn cứ pháp lý để lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với Biến đổi khí hậu:

- ⇒ Chiến lược Quốc gia về phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020

(Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2007)

- ⇒ Chương trình Mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu (Triển khai thực hiện Nghị quyết số 60/2007/NQ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ)
- ⇒ Khung chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn<sup>21</sup>
- ⇒ Quyết định số 158/2008/QĐ ngày 02 tháng 12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
- ⇒ Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam
- ⇒ Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020.
- ⇒ Nghị quyết số 26\_NQ/TW ngày 05-08-2008 về nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa X<sup>22</sup>
- ⇒ Nghị quyết số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 05 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành KHUNG chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2008-2020
- ⇒ Chiến lược Bảo vệ Môi trường quốc gia đến 2010 và định hướng đến 2020
- ⇒ Nghị quyết số 22-NQ/CP, ngày 23-9-2008, của Chính phủ về "Ban hành chính sách bảo hiểm nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường";

### **Cấp tỉnh:**

#### Căn cứ pháp lý lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội:

- ⇒ Chỉ thị của UBND TỈNH ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc xây dựng KHPTKTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và 5 năm 2011-2015
- ⇒ Chỉ thị số 06/2010/CT-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2010 Về việc đổi mới

<sup>21</sup> Mục tiêu cụ thể của Chương trình hành động thích ứng với BĐKH là : (i). Xây dựng được hệ thống chính sách, lồng ghép với chương trình của ngành và các nhiệm vụ cụ thể; (ii). Xây dựng kế hoạch hành động và đề xuất chính sách hỗ trợ các vùng chịu ảnh hưởng bất lợi của biến đổi khí hậu để sản xuất bền vững đối với các lĩnh vực trong ngành nông nghiệp; (iii) Tăng cường năng lực trong các hoạt động nghiên cứu, dự báo ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn; (iv). Tăng cường hợp tác quốc tế, kết nối với các chương trình quốc tế và khu vực, tiếp nhận sự trợ giúp quốc tế về kinh nghiệm và công nghệ trong việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành; (v). Phát triển nguồn nhân lực trong các hoạt động của ngành về giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu; (vi). Nâng cao được nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành và cộng đồng trong việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu ngành Nông nghiệp và PTNT; (vii). Đảm bảo cho cộng đồng dân cư nông thôn được hưởng lợi bình đẳng từ các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

<sup>22</sup> Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo.... Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch

công tác lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 và 5 năm (2011 – 2015) của UBND tỉnh An Giang

Căn cứ định hướng phát triển:

- ⇒ Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh An Giang đến năm 2020 (QĐ số 71/2007/QĐ-TTg ngày 22/5/2007 của thủ tướng chính phủ phê duyệt
- ⇒ Kết quả đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2006-2010
- ⇒ Các Chương trình Mục tiêu Quốc gia thực hiện tại địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ định hướng cho việc lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch phát triển của các ngành:

- Chương trình hành động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu của tỉnh An Giang
- Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 của tỉnh An Giang
- Chương trình hành động thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020
- Chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu của sở NNPTNT tỉnh An Giang
- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của An Giang đến năm 2020<sup>23</sup>

Các bước lập kế hoạch có sự lồng ghép phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai:

Bước 1:

- ⇒ Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Chỉ thị gửi cho các sở ban ngành, các huyện về việc hướng dẫn lập Kế hoạch 5 năm có lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, ngành kèm theo các biểu mẫu thu thập thông tin theo công văn số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng Kế hoạch PTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em<sup>24</sup>
- ⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh An Giang soạn thảo Văn bản và gửi kèm các biểu mẫu Chung<sup>25</sup>, có bổ sung

<sup>23</sup> Kế hoạch này đang được Sở Tài Nguyên Môi trường chuẩn bị thuê tư vấn thực hiện. Kinh phí đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt

<sup>24</sup> Công văn này kèm theo các biểu mẫu cả hai tỉnh An Giang và An Giang đã có (sở Kế hoạch Đầu tư)

<sup>25</sup> Hiện nay chưa có bảng biểu riêng, mà các sở thu thập thông tin theo các Biểu Mẫu do Bộ Kế hoạch đầu tư quy định kèm theo công văn số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em – Yêu cầu lập Kế hoạch theo Phương pháp mới – Phương pháp mới có thính khoa học cao, xác định tính logic của từng vấn đề cụ thể để giải quyết và tăng cường sự tham gia của các bên liên quan nhằm cùng nhau xác định Mục tiêu, mục đích, các kết quả đjw kiến đạt được và cách thức tổ chức thực hiện kế hoạch, có sự phân công phân công trách nhiệm rõ ràng, cụ thể, có giới hạn về thời gian để kiểm tra theo dõi. Kèm theo công văn này là hệ thống bảng biểu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định. Theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư kể từ năm 2011 trở về sau các bộ ngành Trung ương và các tỉnh, thành trong cả nước phải xây dựng kế hoạch theo phương pháp mới (trích chỉ thị số 06/2010/CT-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2010 của UBND tỉnh An Giang do phó chủ tịch UBND tỉnh lâm Minh Chiêu đã ký). Ngoài ra



thêm “Biểu mẫu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập Kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai” đối với các đơn vị trực thuộc ở các lĩnh vực như lâm nghiệp, thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, thủy lợi... và 11 phòng Nông nghiệp Kinh tế của 11 huyện trong toàn tỉnh gửi cho các đơn vị trực thuộc và 11 phòng Kinh tế Nông nghiệp của 11 huyện để thu thập thông tin liên quan đến lĩnh vực của mình nhằm Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch của ngành trong 5 năm trước 2006-2010 và Xây dựng kế hoạch phát triển của ngành 5 năm 2011-2015 theo phương pháp xây dựng kế hoạch từ dưới lên (đã có sự lồng ghép)

⇒ Biểu mẫu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập kế hoạch lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch phát triển của ngành NNPTNT

Nội dung Kế hoạch gồm 2 phần:

- (i) Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2006-2010 và (ii) Xây dựng định hướng Phát triển kinh tế xã hội 5 năm tiếp theo: 2011-2015

Thời gian thực hiện:

Từ tháng 6 đến năm 2010 đến hạn cuối cùng nộp báo cáo là 20 tháng 7 năm 2010 (Kế hoạch hàng năm cũng được xây dựng trong tháng 6- tháng 7 hàng năm)

Chú ý: Để tránh áp lực về mặt thời gian, việc “Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập Kế hoạch lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai” có thể thực hiện vào tháng 3-4 của năm và kết quả này phục vụ cho việc xây dựng Kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai của ngành và của Ban chỉ huy phòng chống giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh An Giang

Phương pháp lập kế hoạch và phương pháp lồng ghép:

Văn bản của sở Kế hoạch Đầu tư gửi các sở, ngành liên quan có hướng dẫn các tài liệu định hướng lập kế hoạch của các ngành và tài liệu định hướng lập Kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch phát triển của các ngành (như đã được nêu trên)

Bước 2:

- ⇒ Tập huấn nâng cao kỹ năng lập kế hoạch theo phương pháp mới và nâng cao kỹ năng đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương, hướng dẫn cách sử dụng biểu mẫu thu thập thông tin “Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai” để lồng ghép vào kế hoạch của ngành

Thành phần tập huấn:

Cán bộ lập kế hoạch của các ngành và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, cán bộ lập kế hoạch cấp huyện và đại diện lãnh đạo huyện. Sau đó các huyện có trách nhiệm hướng dẫn lại cho cán bộ xã khi gửi Biểu mẫu yêu cầu thu thập thông tin để nhằm đảm

---

tùy theo chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc họ có bảng biểu riêng. Trên cơ sở bảng biểu riêng các đơn vị đã nộp hàng năm cho Phòng kế hoạch tài chính của Sở NN&PTNT sẽ soạn thảo ra các Bảng biểu chung cho các đơn vị, và bổ sung thêm các “Biểu mẫu thu thập thông tin về đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương” của các đơn vị trực thuộc, các huyện...(xem phần phụ lục). Về mặt nguyên tắc tất cả các biểu mẫu thu thập thông tin phải được xây dựng theo Khung logic → từ vấn đề → xã/huyện-nơi xảy ra vấn đề → nguyên nhân → giải pháp → đơn vị thực hiện → đơn vị phối hợp → thời gian thực hiện và → kinh phí để thực hiện → chỉ số giám sát đánh giá

bảo sự thống nhất từ đầu đến cuối trong phương pháp thực hiện

### Bước 3:

⇒ Các đơn vị trực thuộc thu thập thông tin và gửi Báo cáo của lĩnh vực mình đến Phòng Kế hoạch Tài chính sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Ghi chú: Để chủ động về mặt thời gian Việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và Lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai (theo Biểu mẫu) có thể được thu thập trước đó, vào tháng 3-tháng 4 hàng năm<sup>26</sup>

### Thông tin phục vụ cho lập kế hoạch ngành:

#### Thông tin thứ cấp

- Kết quả đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2006-2010 của ngành NNPTNT
- Số liệu thống kê của tỉnh, huyện
- Báo cáo hàng năm của ngành NNPTNT

### Thông tin lập Kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thiên tai:

#### Căn cứ định hướng cho việc lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch phát triển của các ngành:

- Chương trình hành động thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu của tỉnh An Giang đến năm 2020
- Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 của tỉnh An Giang
- Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020
- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của An Giang đến năm 2020<sup>27</sup>
- Các chương trình Mục tiêu quốc gia liên quan đến phòng chống giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang (như Chương trình xây dựng Cụm tuyến dân cư...)

Số liệu sơ cấp: Thông tin thu được từ bảng biểu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập Kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thiên tai (được gửi cho các huyện → thu thập từ các xã)

### Bước 4:

⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổng hợp, cân đối và xây dựng dự thảo Kế hoạch ngành Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### Bước 5:

⇒ Tổ chức hội thảo lấy ý kiến góp ý cho bản dự thảo Kế hoạch theo Phương pháp có sự tham gia, chia nhóm thảo luận theo chủ đề và tập hợp ý kiến đóng góp để hoàn thiện báo cáo<sup>28</sup>

<sup>26</sup> Gửi bảng biểu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và Lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào tháng 3-4 hàng năm. Kết quả này cũng để phục vụ cho Văn phòng Ban chỉ huy phòng chống lụt bão tỉnh lập Kế hoạch phòng chống lụt bão hàng năm

<sup>27</sup> Sở Tài nguyên Môi trường đang chuẩn bị thủ tục đấu thầu thuê tư vấn thực hiện

Thành phần đại biểu mời tham dự hội thảo bao gồm:

- ⇒ Đại diện của các đơn vị trực thuộc (bao gồm cán bộ lập kế hoạch và lãnh đạo đơn vị trực thuộc.
- ⇒ Đại diện của một số sở ban ngành liên quan như: (i) sở KH&ĐT(ii) Sở Tài chính(iii) Sở Tài Nguyên và Môi trường (iv) Sở Xây dựng, (v) Sở Xây GTVT; (vi) Sở Thông tin và truyền thông; (vii) Sở LĐTBXH; (viii)Sở KHCN (ix) Đại diện Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.
- ⇒ Đại diện các chương Trình dự án thực hiện tại tỉnh
- ⇒ Đại diện các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi Chính phủ quốc tế tại địa bàn tỉnh

Các vấn đề thảo luận: (i) Nội dung lồng ghép (ii) Các giải pháp công trình (iii) Các giải pháp phi công trình; (iv) thời gian thực hiện (v) giám sát đánh giá(vi) giải pháp kinh phí...

*Ngoài những vấn đề về lập Kế hoạch phát triển ngành, tại Hội thảo sẽ xác định cách thức lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào”Mục tiêu Chung”; “Mục tiêu cụ thể” của Kế hoạch ngành, từ đó xác định các chỉ tiêu lồng ghép, các giải pháp để đạt được các Mục tiêu đã đề ra, các giải pháp tài chính, cơ chế phối hợp, cơ chế giám sát...*

Vấn đề lồng ghép: bao gồm các vấn đề các đơn vị đã xác định trong quá trình đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực (i) Trồng trọt (ii) Chăn nuôi(iii) Nuôi trồng Thủy sản (iv) Lâm nghiệp; (v) và những vấn đề liên ngành khác ...

Gợi ý một số giải pháp phi công trình như: chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp với vùng lũ; (ii) rà soát quy hoạch của ngành; (iii) Nâng cao nhận thức cộng đồng, nâng cao kỹ năng sản xuất để tăng thu nhập (iv) Khuyến khích các hộ gia đình tự đối phó với thiên tai, phát huy sáng kiến, sáng tạo...(v) Xây dựng lịch thời vụ hàng năm né thiên tai lũ lụt, bão và sâu rầy dịch bệnh; (v) Đào tạo nâng cao nguồn nhân lực như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý rủi ro thiên tai; Đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo trong nước và nước ngoài (vi) Rà soát các hoạt động khuyến nông/khuyến ngư/khuyến lâm và lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai và các hoạt động này; (vii) Rà soát, nghiên cứu điều chỉnh cơ chế chính sách hỗ trợ người trồng rừng, nhóm hộ, nhóm cộng đồng trồng rừng cũng như các chính sách bảo vệ rừng phòng hộ (rừng tràm). Xây dựng cơ chế chính sách đối với sau thu hoạch, vay vốn cho các hộ nghèo (làm nền nhà cao, xây dựng kiên cố chuồng gia súc)...chính sách đối với kiên cố kênh mương...

Một số chỉ số gợi ý:

- Đảm bảo 100% hệ thống sông ngòi, kênh rạch trong vùng ngập lụt vừa có chức năng cấp nước, tiêu úng vừa có chức năng thoát lũ.
- Đảm bảo 100% sông ngòi kênh rạch được nạo vét trước mùa mưa lũ
- Đảm bảo 100% các hộ gia đình sống trong vùng ngập lụt được tái định cư vào

<sup>28</sup> Các ngành có thể lồng ghép việc tham vấn ý kiến cho Kế hoạch dự thảo và Hội nghị tổng kết, riêng ngành NNPTNT và Kế hoạch Phát triển KTXH của tỉnh nên tiến hành Hội thảo trong 1 ngày (làm riêng hoặc lồng ghép)



cụm tuyến dân cư trước mùa lũ

- Đảm bảo 100% các điểm sạt lở được sửa chữa trước mùa lũ
- Tỷ lệ hộ có nước sạch trong vùng lũ là...%
- Tỷ lệ các hộ có nhà vệ sinh hợp tiêu chuẩn của Bộ y tế đảm bảo vẫn sử dụng được trong mùa lũ là...%
- Tỷ lệ các hộ sử dụng mô hình 1 phải 5 giảm là trong vùng lũ<sup>29</sup>....%
- Tỷ lệ các hộ nghèo trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai được vay vốn ngân hàng chính sách để phát triển kinh tế là...%
- 100% các điểm nuôi trồng thủy sản trong mùa lũ đảm bảo không làm ô nhiễm nguồn nước

#### Bước 6:

- ⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổng hợp, tập hợp ý kiến đóng góp và hoàn thành Kế hoạch ngành và trình Giám đốc sở NN&PTNT phê duyệt (đã được phê duyệt)

#### Bước 7:

- ⇒ Giám đốc sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt kế hoạch số 23/SNN-KH&TC ngày 13 tháng 7 năm 2009

#### Bước 8:

- ⇒ Gửi Báo cáo cho Sở KHĐT, cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn vào tháng 8/2009 và các đơn vị liên quan (Sở Tài chính, Cục thống kê tỉnh)

### **Khuyến nghị:**

Cần lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào (i) Quy hoạch phát triển tổng thể; (ii) Quy hoạch sử dụng đất; (iii) Quy hoạch các khu công nghiệp; (iv) Quy hoạch của các ngành...

Tập huấn về kỹ năng đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và kỹ năng tham vấn lập kế hoạch cho cán bộ kế hoạch các sở, ban ngành, cán bộ huyện, thị xã, thị trấn cũng như kỹ năng lồng ghép. Có văn bản hướng dẫn chi tiết về lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch của các ngành

### **8.2.2 Quy Trình xây dựng kế hoạch của ngành GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**

**Khung số 3 . Quy trình lập Kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015 của ngành Giáo dục và Đào tạo Tỉnh An Giang có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai Cấp quốc gia:**

**Căn cứ pháp lý cho việc lập kế hoạch nói chung:**

- ⇒ Chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020<sup>30</sup>

<sup>29</sup>Trong vụ Đông Xuân 2010, An Giang đã triển khai được 50 mô hình “1 Phải, 5 Giảm”, thực hiện tại 11 huyện, thị xã, thành phố. Trong đó, có 5 mô hình thực hiện từ nguồn tài trợ của IRRI tại thị xã Châu Đốc, huyện Tịnh Biên, Tri Tôn, An Phú và Chợ Mới. 6 mô hình thực hiện từ ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh ở các huyện còn lại. Có hơn 1.200 nông dân tham gia ứng dụng trên tổng diện tích trên 1.900ha.

- ⇒ Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03/06/2009 của Thủ Tướng chính phủ, về việc xây dựng Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 6315/BKH - TH ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Bộ KH&ĐT, về việc xây dựng kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Quyết định số 555/2007/QĐ-BKH ngày 30 tháng 5 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006 - 2010)
- ⇒ Văn bản số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng Kế hoạch PTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em
- ⇒ Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về Phát triển Kế hoạch Phát triển ngành 5 năm 2011-2015

***Căn cứ pháp lý lập kế hoạch có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai cấp quốc gia:***

- Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 (Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ)
- Quyết định số 158/2008/QĐ ngày 02 tháng 12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
- Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam
- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020.
- Nghị quyết số 26\_NQ/TW ngày 05-08-2008 về nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa X<sup>31</sup>
- Nghị quyết số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 05 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành KHUNG chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2008-2020
- Chiến lược BVMT quốc gia đến 2010 và định hướng đến 2020

**Cấp tỉnh:**

***Căn cứ pháp lý lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội:***

- ⇒ Chỉ thị của UBND TỈNH ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc xây dựng

<sup>30</sup> Chiến lược tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 với mục tiêu là đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp, hiện đại và xếp vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình,

<sup>31</sup> Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo.... Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch

KHPTKTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và 5 năm 2011-2015

- ⇒ Văn bản của Sở kế hoạch và đầu tư gửi các sở/ban ngành, huyện, thị xã, thị trấn về việc xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 có kèm theo các biểu mẫu thu thập thông tin
- ⇒ Căn cứ văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo phạm vi Vanpro (bao gồm toàn bộ 10 bảng biểu)

Căn cứ định hướng phát triển:

- Quy hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh An Giang đến năm 2020
- Kết quả đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2006-2010
- Các Chương trình Mục tiêu Quốc gia thực hiện tại địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ định hướng cho việc lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch phát triển của các ngành:

- Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu của tỉnh An Giang
- Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 của tỉnh An Giang
- Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020
- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của An Giang đến năm 2020<sup>32</sup>

Thời gian thực hiện:

Từ tháng 6 đến năm 2010 đến hạn cuối cùng nộp báo cáo là 20 tháng 7 năm 2010 (Kế hoạch hàng năm cũng được xây dựng trong tháng 6- tháng 7 hàng năm

Hiện tại sở Giáo dục và Đào tạo đang phải lập 2 Kế hoạch khác nhau theo yêu cầu của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh và của Bộ Giáo dục và đào tạo

Để có thể lồng ghép được giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch Phát triển của ngành Giáo dục và Đào tạo thì cần thống nhất hai cách lập kế hoạch thành một cách duy nhất, cụ thể:

Bước 1:

- ⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc sở Giáo dục tỉnh An Giang soạn thảo Văn bản và có Bảng biểu thống nhất từ Bộ Giáo dục và Đào tạo (làm theo phần mềm: Vanpro (toàn bộ 10 bảng biểu ) gửi cho các đơn vị trực thuộc để thu thập thông tin lập kế hoạch của đơn vị mình và gửi báo cáo về sở Giáo dục và Đào tạo để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm trước 2006-2010 và Xây dựng kế hoạch phát triển của ngành 5 năm 2011-2015 theo phương pháp xây dựng kế hoạch từ dưới lên (có sự hỗ trợ kỹ thuật của nhóm tư vấn UNICEF trong khuôn khổ dự án “Tình bạn hữu”
- ⇒ Xây dựng Khung kế hoạch và Khung logic và Bảng biểu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương đối với ngành giáo dục và gửi các đơn vị để thu thập thông tin

<sup>32</sup> Kế hoạch này đang được Sở Tài Nguyên Môi trường chuẩn bị thuê tư vấn thực hiện. Kinh phí đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt

đánh giá kế hoạch của giai đoạn trước (2006-2010) và xây dựng Phương hướng cho giai đoạn tiếp theo: 2011-2015

Bước 2:

- ⇒ Các đơn vị trực thuộc thu thập thông tin theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và nộp cho phòng Kế hoạch tài chính sau 2 tuần trong trung tuần tháng 7 năm 2010.

Thông tin phục vụ cho việc lập kế hoạch của ngành giáo dục bao gồm thông tin thứ cấp và thông tin sơ cấp:

Thông tin thứ cấp:

- Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh An Giang đến năm 2020
- Kết quả đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm 2006-2010
- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh An Giang đến năm 2020
- Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020
- Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Thông tin sơ cấp: thu thập từ các trường, các đơn vị trực thuộc từ biểu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương đối với ngành giáo dục

Bước 3:

- ⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, cân đối và xây dựng Kế hoạch ngành bao gồm 2 phần: phần đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2006-2010 và Kế hoạch của 5 năm tiếp theo 2011-2015

Bước 4:

- ⇒ Tổ chức tham vấn lấy ý kiến của các bên liên quan góp ý cho Bản kế hoạch dự thảo, thu thập các ý kiến bổ sung và hoàn thiện báo cáo

Thành phần tham dự hội thảo tham vấn:

- Các đơn vị trực thuộc: có 6 phòng ban chuyên môn nghiệp vụ của sở
- Đại diện của các sở liên quan như (i) UBND tỉnh; (ii) sở kế hoạch và đầu tư, (iii) sở tài chính; (iv) Đại diện của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; sở thông tin và truyền thông; sở Văn hóa, thể dục thể thao và du lịch;
- Đại diện các chủ đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh
- Các tổ chức quốc tế và các NGO quốc tế có dự án đầu tư tại địa bàn tỉnh An Giang

Hội thảo sẽ được tổ chức theo phương pháp tham gia, chia thành nhóm và thảo luận theo các chủ đề khác nhau, sau đó các trưởng nhóm trình bày lại kết quả thảo luận của nhóm mình và các thành viên khác góp ý bổ sung.

Các vấn đề thảo luận: (i) Nội dung lồng ghép (ii) Các giải pháp công trình (iii) Các giải pháp phi công trình; (iv) thời gian thực hiện (v) giám sát đánh giá (vi) giải pháp kinh phí...

*Ngoài những vấn đề về lập Kế hoạch phát triển ngành, tại Hội thảo sẽ xác định*

*mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể được lồng ghép, từ đó xác định các chỉ tiêu lồng ghép, các giải pháp để đạt được các chỉ tiêu đã đề ra, các giải pháp tài chính, cơ chế phối hợp, cơ chế giám sát...*

Bước 5:

⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo hoàn thiện và trình lãnh đạo sở phê duyệt

Bước 5

⇒ Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt kế hoạch và gửi cho UBND tỉnh Đồng Tháp; Sở KH&ĐT, Bộ Giáo dục và Đào Tạo, sở tài chính, cục thống kê của tỉnh và các sở liên quan

Ghi chú:

- Sở Giáo dục và Đào tạo đang lập Kế hoạch ngành theo hướng dẫn của 2 cơ quan: (i) của Bộ Giáo dục và đào tạo với phần mềm không tập hợp Kế hoạch hành động của toàn ngành, mà chỉ có các đơn vị trực thuộc lập Kế hoạch cho đơn vị mình.
- Kinh phí hoạt động cấp trung ương chuyển về không dựa vào kế hoạch của ngành – theo kiểu giao khoán, nhiều đơn vị không đủ kinh phí trả lương cho cán bộ viên chức, ví dụ như Trung Tâm y tế dự phòng (khoản lương theo biên chế). Trung ương khoán định mức biên chế theo định mức về quy mô dân số

#### *Các chỉ số lồng ghép:*

Lồng ghép vào Mục tiêu: ....Công bằng xã hội trong giáo dục, đặc biệt ở các vùng kinh tế khó khăn và các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai lũ lụt

Đảm bảo trẻ em trong độ tuổi ở các vùng khó khăn, thiên tai đều được đi học (Mẫu giáo, tiểu học)

Các mục tiêu: Hoàn thành đề án chuyển các điểm trường trẻ thành các điểm mầm non

Mục tiêu IV (trang 40 – An giang) Tăng cường cơ sở vật chất, ngân sách

Xây dựng chỉ số huy động mẫu giáo (riêng các vùng thiên tai xảy ra thường xuyên- Lũ lụt

#### *Ví dụ một số chỉ số cần được lồng ghép:*

- Đến năm 2015 đảm bảo 100% các điểm trường trẻ trong vùng lũ thành điểm trường mầm non
- Đảm bảo 100% các trường tiểu học và trung học cơ sở trong vùng lũ lụt đưa môn học bơi vào môn học chính khóa - giáo dục thể chất
- Đảm bảo 100% các trường tiểu học và trung học cơ sở trong vùng lũ lụt có bể bơi đã chiến để giáo dục phổ cập bơi cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở
- 

#### *Các giải pháp phi công trình:*

Phát huy vai trò tham mưu của sở giáo dục và Đào tạo cho UBND tỉnh

- Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho tỉnh xây dựng chính sách thu hút giáo

- viên giỏi về công tác tại các vùng thường xuyên xảy ra lũ lụt
- Điều chỉnh các chính sách đã lỗi thời không còn phù hợp, đặc biệt với ngành Mầm non
- Xây dựng chính sách đối với giáo viên (lương, phụ cấp) ở vùng thường xuyên xảy ra lũ lụt, đặc biệt là giáo viên mầm non, tiểu học.
- Tham mưu cho tỉnh xây dựng Quỹ phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong ngành giáo dục
- Tham mưu cho tỉnh có chính sách về tài chính, chủ trương về tổ chức các hội nghị, hội thảo tổng kết và chia sẻ kinh nghiệm về lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển của ngành và thực hiện các kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai
- Tổ chức tham quan học hỏi các mô hình tốt trong nước và nước ngoài

### 8.2.3 Quy Trình xây dựng kế hoạch của ngành Y Tế có sự lồng ghép – phương án đề xuất

#### **Khung 4 . Quy trình lập Kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015 của ngành Y tế tỉnh An Giang**

Quy trình xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm của Y Tế được xây dựng theo các bước như sau:

#### **Cấp quốc gia:**

#### ***Căn cứ pháp lý cho việc lập kế hoạch nói chung:***

- ⇒ Chiến lược tổng thể Phát triển Kinh tế - Xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020<sup>33</sup>
- ⇒ Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03/06/2009 của Thủ Tướng chính phủ, về việc xây dựng Kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 6315/BKH - TH ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Bộ KH&ĐT, về việc xây dựng kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Quyết định số 555/2007/QĐ-BKH ngày 30 tháng 5 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006 - 2010)
- ⇒ Văn bản số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em
- ⇒ Văn bản của Bộ Y Tế hướng dẫn về Phát triển Kế hoạch Phát triển ngành Y tế 5 năm 2011-2015

<sup>33</sup> Chiến lược tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 với mục tiêu là đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp, hiện đại và xếp vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình,



**Căn cứ pháp lý lập kế hoạch có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai cấp quốc gia:**

- Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 (Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ)
- Quyết định số 158/2008/QĐ ngày 02 tháng 12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
- Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam
- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020.
- Nghị quyết số 26\_NQ/TW ngày 05-08-2008 về nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa X<sup>34</sup>
- Nghị quyết số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 05 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành KHUNG chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2008-2020
- Chiến lược BVMT quốc gia đến 2010 và định hướng đến 2020
- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của An Giang đến năm 2020<sup>35</sup>

**Cấp tỉnh:**

**Căn cứ pháp lý lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội:**

- ⇒ Chỉ thị của UBND TỈNH ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc xây dựng KHPTKTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và 5 năm 2011-2015
- ⇒ Chỉ thị số 06/2010/CT-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2010 Về việc đổi mới công tác lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 và 5 năm (2011 - 2015) của UBND tỉnh An Giang
- ⇒ Chỉ thị của UBND TỈNH ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc xây dựng KHPTKTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản của Sở kế hoạch và đầu tư gửi các sở/ban ngành, huyện, thị xã, thị trấn về việc xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 có kèm theo các biểu mẫu thu thập thông tin

**Căn cứ định hướng phát triển:**

- Quy hoạch phát triển Kinh tế- Xã hội của tỉnh An Giang đến năm 2020
- Kết quả đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2006-2010
- Các Chương trình Mục tiêu Quốc gia thực hiện tại địa bàn tỉnh An Giang

<sup>34</sup> Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo.... Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch

<sup>35</sup> Kế hoạch này đang được Sở Tài Nguyên Môi trường chuẩn bị thuê tư vấn thực hiện. Kinh phí đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt

Căn cứ định hướng cho việc lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch phát triển của các ngành:

- Chương trình hành động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu của tỉnh An Giang
- Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống giảm nhẹ thiên tai tỉnh An Giang đến năm 2020 (Ban hành kèm theo Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 30/10/2008 của UBND tỉnh An Giang)
- Chương trình hành động thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020 của tỉnh An Giang
- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của An Giang đến năm 2020<sup>36</sup>
- Các chương trình Mục tiêu quốc gia liên quan đến phòng chống giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang (như Chương trình xây dựng Cụm tuyến dân cư, Chiến lược phát triển thủy lợi của tỉnh An Giang đến năm 2020...)

Bước 1:

- ⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Y Tế tỉnh An Giang soạn thảo Văn bản và có Bảng biểu thống nhất từ Bộ Y tế: cấp xã 8 bảng biểu, cấp huyện: 14 bảng biểu và gửi cho các đơn vị trực thuộc (15 đơn vị trực thuộc) các xã thu thập thông tin (số liệu thống kê) liên quan đến ngành mình nhằm Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch của ngành trong 5 năm trước 2006-2010 và Xây dựng kế hoạch phát triển của ngành 5 năm 2011-2015 theo phương pháp xây dựng kế hoạch từ dưới lên.

Bước 2:

- ⇒ Các đơn vị trực thuộc thu thập thông tin theo hướng dẫn của Sở y tế và nộp cho phòng Kế hoạch tài chính sau 2 tuần trong trung tuần tháng 7 năm 2010.

Bước 3:

- ⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở Y Tế tổng hợp, cân đối và xây dựng Kế hoạch ngành tổ chức tham vấn góp ý cho Bản kế hoạch dự thảo

Bước 4:

- ⇒ Tổ chức tham vấn lấy ý kiến của các bên liên quan, thu thập các ý kiến bổ sung và hoàn thiện báo cáo

Bước 5:

- ⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở Y tế hoàn thiện và trình lãnh đạo sở phê duyệt

Bước 5

- ⇒ Giám đốc sở Y tế Phê duyệt kế hoạch số 23/SNN-KH&TC ngày 13 tháng 7 năm 2009 và gửi cho Sở KH&ĐT, Bộ Y Tế, sở tài chính, cục thống kê của tỉnh và các sở liên quan

<sup>36</sup> Kế hoạch này đang được Sở Tài Nguyên Môi trường chuẩn bị thuê tư vấn thực hiện. Kinh phí đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt



#### Ghi chú:

- Sở y tế không tập hợp Kế hoạch hành động của toàn ngành, mà chỉ có các đơn vị trực thuộc lập Kế hoạch cho đơn vị mình.
- Kinh phí hoạt động cấp trung ương chuyển về không dựa vào kế hoạch của ngành – theo kiểu giao khoán, nhiều đơn vị không đủ kinh phí trả lương cho cán bộ viên chức, ví dụ như Trung Tâm y tế dự phòng (khoản lương theo biên chế). Trung ương khoán định mức biên chế theo định mức về quy mô dân số

#### Các chỉ số lồng ghép:

##### Chỉ số về khám chữa bệnh:

- Tỷ lệ đối tượng dễ bị tổn thương (Phụ nữ, trẻ em, người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật... được chăm sóc sức khỏe nói Chung và được chăm sóc sức khỏe trong mùa mưa lũ nói riêng
- Tỷ lệ giường bệnh dự phòng cho việc điều trị bệnh nhân trong mùa mưa lũ (cấp huyện: bệnh viện huyện, bệnh viện đa khoa, phòng khám khu vực, trạm y tế xã
- Tỷ lệ cơ sở thuốc dự phòng tại các cơ sở y tế

##### Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em:

- Tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ an toàn trong mùa mưa lũ
- Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng mở rộng trong mùa mưa lũ
- Tỷ lệ phụ nữ được khám thai định kỳ và tiêm ngừa phòng chống uốn ván trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai và trong mùa mưa lũ
- Tỷ lệ trẻ em từ 0-5 tuổi trong vùng thường xuyên xảy ra mưa lũ được bảo đảm dinh dưỡng

##### Mô hình dinh dưỡng:

- Tỷ lệ phòng tư vấn dinh dưỡng tại các xã, huyện, bệnh viện trong vùng thường xuyên xảy ra lũ lụt

##### Quản lý điều hành:

Lãnh đạo sở Giáo dục và Đào tạo phát huy vai trò tham mưu, tham mưu cho UBND tỉnh:

- Tham mưu cho tỉnh ra quyết định về việc chính thức đưa môn bơi lội vào giáo dục chính khóa trong môn giáo dục thể chất của các trường tiểu học và trung học cơ sở, đồng thời phân bổ kinh phí để các trường xây dựng bể bơi giả chiến phục vụ cho việc phổ cập bơi của các trường trong các vùng thường xuyên xảy ra lũ lụt
- Tham mưu cho tỉnh ra quyết định về việc lập Quỹ phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho ngành y tế (các cấp)
- Tham mưu cho lãnh đạo tỉnh ban hành các chính sách về chăm sóc y tế cho người dân tại các Cụm tuyến dân cư
- Chính sách tăng cường huy động nguồn lực nhằm phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho ngành y tế, trước, trong và sau lũ
- Tỷ lệ cán bộ y tế có kiến thức về phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai

- Tỷ lệ cán bộ cấp cơ sở được tập huấn về sơ cấp cứu hàng năm
- Tỷ lệ các cuộc hội nghị, hội thảo hàng năm do ngành y tế tổ chức về tổng kết và chia sẻ kinh nghiệm về phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai
- Tham mưu cho UBND tỉnh cho phép ngành y tế được tham quan học hỏi các mô hình tốt về lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm của ngành y tế
- Tỷ lệ các xã trọng điểm lũ lụt được kiểm tra trước mùa mưa lũ
- Tỷ lệ các chốt cấp cứu ở những nơi xung yếu (bến phà, cầu, bến đò...)
- Tỷ lệ các công trình y tế có cốt nền cao hơn đỉnh lũ năm 2000
- Tỷ lệ các trường hợp cấp cứu trong mùa mưa lũ được cấp cứu đúng phương pháp
- Tỷ lệ các xã trong vùng lũ được tuyên truyền về phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, tuyên truyền về vệ sinh phòng bệnh trước mùa mưa lũ, trong mùa mưa lũ và sau mùa mưa lũ

#### **Xây dựng quy trình giám sát:**

- Nguyên tắc giám sát: theo chỉ số đã được xây dựng
- Theo cấp tỉnh, huyện, xã
- Theo mục tiêu
- Theo kế hoạch hành động của Khung Logic

Những việc đã làm được: Mức độ thực hiện

Những tồn tại → Nguyên nhân khác quan → Nguyên nhân chủ quan

Giải pháp khắc phục cho năm tới

Những chỉ số và những hoạt động chưa được thực hiện → Nguyên nhân khác quan

→ Nguyên nhân chủ quan → giải pháp thực hiện trong thời gian tới

Xây dựng kế hoạch tiếp theo: Xác định vấn đề ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo.

Các giải pháp (giải pháp công trình và phi công trình) được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Phải là một bộ phận cấu thành của Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp và Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia về giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến 2020 của tỉnh An Giang

#### **8.2.4 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành TNMT- Tài nguyên**

##### **Nước – phương án đề xuất**

**Khung số 5... . Quy trình lập Kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015 của ngành Tài Nguyên Môi Trường có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành**

Quy trình xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm của ngành TNMT có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành được xây dựng theo các bước như sau:

##### **Cấp quốc gia:**

**Căn cứ pháp lý cho việc lập kế hoạch nói chung:**

- ⇒ Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03/06/2009 của Thủ Tướng chính phủ, về việc xây dựng Kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 6315/BKH - TH ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Bộ KH&ĐT, về việc xây dựng kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em
- ⇒ Văn bản của Bộ nông TNMT về xây dựng Kế hoạch Phát triển ngành TNMT 5 năm 2011-2015

***Căn cứ pháp lý lập kế hoạch có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai cấp quốc gia:***

- Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 (Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ)
- Quyết định số 158/2008/QĐ ngày 02 tháng 12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
- Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam
- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020.
- Nghị quyết số 26\_NQ/TW ngày 05-08-2008 về nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa X<sup>37</sup>
- Nghị quyết số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 05 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành KHUNG chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2008-2020
- Luật bảo vệ Môi trường
- Chiến lược BVMT quốc gia đến 2010 và định hướng đến 2020

**Cấp tỉnh:**

***Căn cứ pháp lý lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội:***

- ⇒ Chỉ thị của UBND TỈNH ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc xây dựng KHPTKTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và 5 năm 2011-2015
- ⇒ Chỉ thị số 06/2010/CT-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2010 Về việc đổi mới công tác lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 và 5 năm (2011 - 2015) của UBND tỉnh An Giang

<sup>37</sup> Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo.... Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch

⇒ Văn bản của Sở kế hoạch và đầu tư gửi các sở/ban ngành, huyện, thị xã, thị trấn về việc xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 có kèm theo các biểu mẫu thu thập thông tin.

Căn cứ định hướng phát triển:

- Quy hoạch phát triển Kinh tế- Xã hội của tỉnh An Giang đến năm 2020
- Kết quả đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2006-2010
- Các Chương trình Mục tiêu Quốc gia thực hiện tại địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ định hướng cho việc lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch phát triển của các ngành:

- Chương trình hành động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu của tỉnh An Giang
- Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống giảm nhẹ thiên tai tỉnh An Giang đến năm 2020 (Ban hành kèm theo Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 30/10/2008 của UBND tỉnh An Giang)
- Chương trình hành động thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020 của tỉnh An Giang
- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp và thích ứng với BĐKH của An Giang đến năm 2020<sup>38</sup>
- Các chương trình Mục tiêu quốc gia liên quan đến phòng chống giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang

Bước 1:

⇒ Văn Phòng (kết hợp với phòng Kế hoạch và Tài Chính) thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh An Giang soạn thảo Văn bản và xây dựng các biểu mẫu Chung<sup>39</sup>, có bổ sung thêm biểu mẫu thu thập thông tin về tình trạng dễ bị tổn thương đối với các đơn vị trực thuộc ở các lĩnh vực quản lý tài nguyên nước... và 8 đơn vị trực thuộc của sở để thập thông tin liên quan đến lĩnh vực của mình nhằm Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch của ngành trong 5 năm trước 2006-2010 và Xây dựng kế hoạch phát triển của ngành 5 năm 2011-2015 theo phương pháp xây dựng kế hoạch từ dưới lên (đã có sự lồng ghép)

Bước 2:

⇒ Các đơn vị trực thuộc soạn thảo công văn và các bảng biểu gửi đến các huyện, các xã thu thập số liệu thống kê, đồng thời tổ chức tham vấn cộng đồng ở một số xã trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai để thu thập thông

<sup>38</sup> Kế hoạch này đang được Sở Tài Nguyên Môi trường chuẩn bị thuê tư vấn thực hiện. Kinh phí đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt

<sup>39</sup> Hiện nay chưa có bảng biểu chung, mà tùy theo chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc họ có bảng biểu riêng. Trên cơ sở bảng biểu riêng các đơn vị đã nộp hàng năm cho Phòng kế hoạch tài chính của Sở NN&PTNT sẽ soạn thảo ra các Bảng biểu chung cho các đơn vị, và bổ sung thêm các bảng biểu thu thập thông tin về đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của các đơn vị trực thuộc, các huyện...đồng thời xây dựng bảng biểu đánh giá khả năng ứng phó của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Các bảng biểu này phải được xây dựng theo Khung logic → từ vấn đề → nguyên nhân → giải pháp → chỉ số giám sát → đơn vị thực hiện và → thời gian thực hiện → kinh phí thực hiện

tin về tình trạng dễ bị tổn thương của lĩnh vực mình chịu trách nhiệm và đánh giá năng lực đối phó (năng lực thể chế, năng lực vật chất, năng lực con người, bao gồm cả nhận thức, thái độ, hành vi của cán bộ và cộng đồng)

Bước 3:

- ⇒ Hội thảo tập huấn thống nhất cách làm cho các đơn vị trực thuộc, các cán bộ lập kế hoạch của các huyện, thị xã, thị trấn tập trung vào việc nâng cao kỹ năng đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó

Bước 4:

- ⇒ Các đơn vị trực thuộc thu thập thông tin và gửi Báo cáo của lĩnh vực mình đến Văn Phòng và phòng Kế hoạch Tài Chính sở TNMT

Nguồn thông tin: Thông tin thứ cấp: các báo cáo hàng năm của các đơn vị trực thuộc; thông tin từ Ban phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp đến năm 2020)

Thông tin sơ cấp: thu thập thêm thông tin từ các huyện các xã thường xuyên xảy ra thiên tai và những nơi có hiện tượng ô nhiễm môi trường

Bước 5:

- ⇒ Văn Phòng và phòng Kế hoạch Tài Chính sở TNMT thuộc Sở TNMT tổng hợp, cân đối và xây dựng dự thảo Kế hoạch ngành Ngành TNMT

Bước 6:

- ⇒ Tổ chức hội thảo lấy ý kiến góp ý cho bản dự thảo Kế hoạch.

Thành phần đại biểu mời tham dự hội thảo bao gồm:

- Đại diện của 9 đơn vị trực thuộc
- Đại diện của các huyện, thị trấn, thị xã
- Đại diện của một số sở ban ngành liên quan như: (1) sở KH&ĐT(ii) Sở Tài chính(iii) Sở NNPTNT (iv) Sở Xây dựng, (v) Sở Xây GTVT; (vi) Sở Thông tin và truyền thông; (vii)Sở KH&CN (ix) Ban phòng chống Bão lụt và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.
- Đại diện các chương Trình dự án về lĩnh vực môi trường được thực hiện tại tỉnh An Giang
- Đại diện các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi Chính phủ quốc tế tại địa bàn tỉnh

Các vấn đề thảo luận: (i) Nội dung lồng ghép (ii) Các giải pháp công trình (iii) Các giải pháp phi công trình; (iv) thời gian thực hiện (v) giám sát đánh giá(vi) giải pháp kinh phí...

Vấn đề lồng ghép: bao gồm các vấn đề các đơn vị đã xác định trong quá trình đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực (i) bảo vệ Môi trường nước khỏi ô nhiễm và (ii) hạn chế tác động tiêu cực của nước đến phát triển kinh tế xã hội.

Các giải pháp phi công trình như: Rà soát các văn bản chính sách về quản lý bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ môi trường; (ii) rà soát quy hoạch của ngành; (iii) Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ tài nguyên nước và bảo vệ môi trường (iv) Tăng cường giám

sát việc thực hiện đánh giá Môi trường và cam kết bảo vệ môi trường của các chương trình dự án lớn...(v) Đào tạo nâng cao nguồn nhân lực như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý rủi ro thiên tai; Đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo trong nước và nước ngoài, đặc biệt ưu tiên các lĩnh vực quản lý tài nguyên nước và bảo vệ môi trường (vi) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp khu công nghiệp...(vii) Rà soát cơ chế chính sách phù hợp với giảm nhẹ rủi ro thiên tai đối với tài nguyên nước và vệ sinh môi trường, như chính sách cho vay vốn các hộ nghèo để xây dựng nhà vệ sinh hợp chuẩn, đầu nối các công trình nước sạch....

Bước 6:

- ⇒ Văn Phòng và phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở TNMT tập hợp ý kiến đóng góp và hoàn thành Kế hoạch ngành và trình Giám đốc sở TNMT phê duyệt

Bước 5

- ⇒ Giám đốc sở TNMT phê duyệt và gửi Bộ TNMT, UBND tỉnh Sở KH&ĐT, sở NNPTNT, sở tài chính, Chi cục thống kê, Ban phòng chống lụt bão và TKCN tỉnh, vào đầu tháng 8/2009.

### **8.2.5 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành GTVT – phương án đề xuất**

#### **Khung số 6. Quy trình lập Kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015 của ngành GTVT có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành**

Quy trình xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm của ngành GTVT có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành được xây dựng theo các bước như sau:

#### **Cấp quốc gia:**

*Căn cứ:*

- ⇒ Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03/06/2009 của Thủ Tướng chính phủ, về việc xây dựng Kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 6315/BKH - TH ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Bộ KH&ĐT, về việc xây dựng kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em
- ⇒ Văn bản của Bộ GTVT về xây dựng Kế hoạch Phát triển ngành Giao thông Vận Tải 5 năm 2011-2015

#### **Cấp tỉnh:**

*Căn cứ:*

- ⇒ Chỉ thị của UBND TỈNH ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc xây dựng KHPTKTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và 5 năm 2011-2015 có yêu cầu thực hiện lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai
- ⇒ Văn bản của Sở kế hoạch và đầu tư gửi các sở/ban ngành, huyện, thị xã, thị



trần về việc xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 có kèm theo các biểu mẫu thu thập thông tin.

Bước 1:

- ⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở GTVT tỉnh An Giang soạn thảo Văn bản và xây dựng các biểu mẫu Chung<sup>40</sup>, có bổ sung thêm biểu mẫu thu thập thông tin về tình trạng dễ bị tổn thương đối với 7 đơn vị trực thuộc và Phòng Kinh tế hạ tầng của 12 huyện, thành phố, thị xã, thị trấn để thập thông tin liên quan đến lĩnh vực của mình nhằm Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch của ngành trong 5 năm trước 2006-2010 và Xây dựng kế hoạch phát triển của ngành 5 năm 2011-2015 theo phương pháp xây dựng kế hoạch từ dưới lên (đã có sự lồng ghép)

Bước 2:

- ⇒ Các đơn vị trực thuộc soạn thảo công văn và các bảng biểu gửi đến các huyện, các xã thu thập số liệu thống kê, đồng thời tổ chức tham vấn cộng đồng ở một số xã trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai để thu thập thông tin về tình trạng dễ bị tổn thương của lĩnh vực mình chịu trách nhiệm và đánh giá năng lực đối phó (năng lực thể chế, năng lực vật chất, năng lực con người, bao gồm cả nhận thức, thái độ, hành vi của cán bộ và cộng đồng)

Bước 3:

- ⇒ Hội thảo tập huấn thống nhất cách làm cho các đơn vị trực thuộc, các cán bộ lập kế hoạch của các huyện, thị xã, thị trấn tập trung vào việc nâng cao kỹ năng đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó

Bước 4:

- ⇒ Các đơn vị trực thuộc thu thập thông tin và gửi Báo cáo của lĩnh vực mình đến phòng Kế hoạch Tài Chính sở GTVT

Nguồn thông tin: Thông tin thứ cấp: các báo cáo hành năm của các đơn vị trực thuộc; thông tin từ Ban phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp đến năm 2020)

Thông tin sơ cấp: thu thập thêm thông tin từ các huyện các xã thường xuyên xảy ra thiên tai và những nơi có hiện tượng ô nhiễm môi trường

Bước 5:

- ⇒ Phòng Kế hoạch Tài Chính sở GTVT tổng hợp, cân đối và xây dựng dự thảo Kế hoạch ngành Ngành GTVT

Bước 6:

- ⇒ Tổ chức hội thảo lấy ý kiến góp ý cho bản dự thảo Kế hoạch.

<sup>40</sup> Hiện nay chưa có bảng biểu chung, mà tùy theo chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc họ có bảng biểu riêng. Trên cơ sở bảng biểu riêng các đơn vị đã nộp hàng năm cho Phòng kế hoạch tài chính của Sở NN&PTNT sẽ soạn thảo ra các Bảng biểu chung cho các đơn vị, và bổ sung thêm các bảng biểu thu thập thông tin về đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của các đơn vị trực thuộc, các huyện...đồng thời xây dựng bảng biểu đánh giá khả năng ứng phó của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Các sbangr biểu này phải được xây dựng theo Khung logic → từ vấn đề → nguyên nhân → giải pháp → chỉ số giám sát → đơn vị thực hiện và → thời gian thực hiện → kinh phí thực hiện

Thành phần đại biểu mời tham dự hội thảo bao gồm:

- Đại diện của 8 đơn vị trực thuộc
- Đại diện của các huyện, thị trấn, thị xã
- Đại diện của một số sở ban ngành liên quan như: (i) sở KH&ĐT(ii) Sở Tài chính(iii) Sở NNPTNT (iv) Sở Xây dựng, (v) Sở Tài nguyên và Môi trường; (vi) Sở Thông tin và truyền thông; (vii)Sở KH&CN (ix) Ban phòng chống Bão lụt và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.
- Đại diện các chương Trình dự án về lĩnh vực môi trường được thực hiện tại tỉnh An Giang
- Đại diện các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi Chính phủ quốc tế tại địa bàn tỉnh

Các vấn đề thảo luận: (i) Nội dung lồng ghép (ii) Các giải pháp công trình (iii) Các giải pháp phi công trình; (iv) thời gian thực hiện (v) giám sát đánh giá(vi) giải pháp kinh phí...

Vấn đề lồng ghép: bao gồm các vấn đề các đơn vị đã xác định trong quá trình đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực (i) Giao thông đường bộ, giao thông đường thủy (ii) Các bến, bãi neo đậu tàu thuyền, các bến thủy, Các giải pháp phi nông nghiệp như: (i)Rà soát các văn bản chính sách về duy tu bảo dưỡng (hàng năm, 5 năm ...)(ii) rà soát quy hoạch của ngành; (iii) Nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống tai nạn giao thông đường thủy, đường bộ (iv) Tăng cường sự giám sát của cộng đồng trong thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, và tham gia vào giai đoạn vận hành và bảo trì các công trình giao thông nông thôn; (v) Đào tạo nâng cao nguồn nhân lực như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý rủi ro thiên tai; Đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo trong nước và nước ngoài, đặc biệt ưu tiên các lĩnh vực đặng (vi) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ an toàn đường sông vào mùa mưa lũ (như giảm trọng 30% trọng lượng vận chuyển để đảm bảo cho tàu thuyền, các dụng cụ và thiết bị an toàn như phao cứu sinh, chất lượng tàu thuyền, bến bãi..., cũng như việc cấm biển hiệu, đảm bảo đèn chiếu sáng ở cầu, đường trong mùa mưa lũ. (vii) Trước mùa mưa, lũ: Rà soát lại hệ thống giao thông tại các công trình giao thông dễ bị sạt lở; Kiểm tra lại bến thủy, bãi neo đậu tàu thuyền vận tải; (viii) Thành lập Quỹ phòng chống thiên tai hàng năm (trích từ Vốn sự nghiệp) Dự trữ vật tư, trang thiết bị cho cầu, phà, đầu kéo...

Bước 6:

⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở GTVT tập hợp ý kiến đóng góp và hoàn thành Kế hoạch ngành và trình Giám đốc sở GTVT phê duyệt

Bước 5

⇒ Giám đốc sở GTVT phê duyệt và gửi Bộ GTVT, UBND tỉnh Sở KH&ĐT, sở NNPTNT, sở tài chính, Chi cục thống kê, Ban phòng chống lụt bão và TKCN tỉnh, vào đầu tháng 8/2009.



## 8.2.6 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành Xây dựng – phương án đề xuất

### **Khung số 7. Quy trình lập Kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015 của ngành Xây dựng có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành**

Quy trình xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm của ngành Xây dựng có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành được xây dựng theo các bước như sau:

#### **Cấp quốc gia:**

##### ***Căn cứ pháp lý cho việc lập kế hoạch nói chung:***

- ⇒ Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03/06/2009 của Thủ Tướng chính phủ, về việc xây dựng Kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 6315/BKH - TH ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Bộ KH&ĐT, về việc xây dựng kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em
- ⇒ Văn bản của Bộ Xây dựng về xây dựng Kế hoạch Phát triển ngành Xây dựng 5 năm 2011-2015

##### ***Căn cứ pháp lý lập kế hoạch có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai cấp quốc gia:***

- Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 (Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ)
- Quyết định số 158/2008/QĐ ngày 02 tháng 12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
- Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam
- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020.
- Nghị quyết số 26\_NQ/TW ngày 05-08-2008 về nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa X<sup>41</sup>
- Chiến lược BVMT quốc gia đến 2010 và định hướng đến 2020

#### **Cấp tỉnh:**

##### ***Căn cứ pháp lý cho việc lập kế hoạch:***

- ⇒ Chỉ thị của UBND TỈNH ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc xây dựng

<sup>41</sup> Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo.... Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch

KHPTKTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và 5 năm 2011-2015 có yêu cầu thực hiện lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai

⇒ Văn bản của Sở kế hoạch và đầu tư gửi các sở/ban ngành, huyện, thị xã, thị trấn về việc xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 có kèm theo các biểu mẫu thu thập thông tin.

⇒ Thông báo số 47/TB-SXD ngày 01/9/2008 về việc yêu cầu Ủy Ban huyện/thị/thành phố và các chủ đầu tư khi tiến hành lập quy hoạch xây dựng đặc biệt lưu ý đến việc lập và gắn kế hoạch triển khai quy hoạch một cách chặt chẽ với đồ án quy hoạch trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt

Cơ sở pháp lý để lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch ngành:

⇒ Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 30/10/2008 của UBND tỉnh An Giang ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống giảm nhẹ thiên tai tỉnh An Giang đến năm 2020

Bước 1:

⇒ Văn Phòng thuộc sở Xây dựng tỉnh An Giang soạn thảo Văn bản và xây dựng các biểu mẫu Chung<sup>42</sup>, có bổ sung thêm biểu mẫu thu thập thông tin về tình trạng dễ bị tổn thương đối với 7 đơn vị trực thuộc và Phòng Kinh tế hạ tầng của 11 huyện, thành phố, thị xã, thị trấn để thu thập thông tin liên quan đến lĩnh vực của mình nhằm đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch của ngành trong 5 năm trước 2006-2010 và Xây dựng kế hoạch phát triển của ngành 5 năm 2011-2015 theo phương pháp xây dựng kế hoạch từ dưới lên (đã có sự lồng ghép)

Bước 2:

⇒ Các đơn vị trực thuộc soạn thảo công văn và các bảng biểu gửi đến các huyện, các xã thu thập số liệu thống kê, đồng thời tổ chức tham vấn cộng đồng ở một số xã trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai để thu thập thông tin về tình trạng dễ bị tổn thương của lĩnh vực mình chịu trách nhiệm và đánh giá năng lực đối phó (năng lực thể chế, năng lực vật chất, năng lực con người, bao gồm cả nhận thức, thái độ, hành vi của cán bộ và cộng đồng)

Bước 3:

⇒ Hội thảo tập huấn thống nhất cách làm cho các đơn vị trực thuộc, các cán bộ lập kế hoạch của các huyện, thị xã, thị trấn, và tập huấn nâng cao kỹ năng đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai liên quan đến ngành xây dựng

Bước 4:

⇒ Các đơn vị trực thuộc thu thập thông tin và gửi Báo cáo của lĩnh vực mình đến

<sup>42</sup> Hiện nay chưa có bảng biểu chung, mà tùy theo chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc họ có bảng biểu riêng. Trên cơ sở bảng biểu riêng các đơn vị đã nộp hàng năm cho văn phòng sở Xây dựng, Văn phòng sở sẽ soạn thảo ra các Bảng biểu chung cho các đơn vị, và bổ sung thêm các bảng biểu thu thập thông tin về đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của các đơn vị trực thuộc, các huyện... Các biểu mẫu này phải được xây dựng theo Khung logic → từ vấn đề → địa điểm có vấn đề → nguyên nhân → giải pháp → đơn vị thực hiện và → thời gian thực hiện → kinh phí thực hiện

phòng Văn phòng của sở Xây dựng

Nguồn thông tin hỗ trợ lập kế hoạch ngành:

Thông tin thứ cấp:

- Kết quả đánh giá việc thực hiện Kế hoạch 5 năm của giai đoạn trước 2006-2010
- Các báo cáo tổng kết hàng năm
- Số liệu thống kê của ngành xây dựng
- Các báo cáo hàng năm của các đơn vị trực thuộc;
- Chương trình hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai của tỉnh An Giang đến năm 202
- Chương trình hành động thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và quản lý rủi ro dựa vào cộng đồng của tỉnh An Giang đến năm 2020
- Kế hoạch phòng chống lụt bão của Ban Phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh hàng năm và 5 năm

Thông tin sơ cấp: thu thập từ Biểu mẫu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương đối với ngành xây dựng và lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai của ngành xây dựng

Bước 5:

- ⇒ Văn Phòng sở Xây dựng tổng hợp, cân đối và xây dựng Kế hoạch dự thảo của ngành Xây dựng

Bước 6:

- ⇒ Tổ chức hội thảo lấy ý kiến góp ý cho bản dự thảo Kế hoạch. (Tùy theo tình hình thực tế của các sở, có thể lồng ghép hoạt động tham vấn này vào Hội nghị sơ kết 6 tháng để tiết kiệm chi phí)

Thành phần đại biểu mời tham dự hội thảo bao gồm:

- Đại diện của các đơn vị trực thuộc
- Đại diện của các huyện, thị trấn, thị xã
- Đại diện của một số sở ban ngành liên quan như: (i) sở KH&ĐT(ii) Sở Tài chính(iii) Sở NNPTNT (iv) Sở GTVT; (v) Sở Tài nguyên và Môi trường; (vi) Sở Thông tin và truyền thông; (vii)Sở KHCN (ix) Đại diện Ban phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.
- Đại diện các chủ đầu tư các Chương trình, dự án được thực hiện tại tỉnh An Giang
- Đại diện các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi Chính phủ quốc tế tại địa bàn tỉnh

Các vấn đề thảo luận: (i) Nội dung lồng ghép (ii) Các giải pháp công trình (iii) Các giải pháp phi công trình; (iv) thời gian thực hiện (v) giám sát đánh giá(vi) giải pháp kinh phí...

Vấn đề lồng ghép: bao gồm các vấn đề các đơn vị đã xác định trong quá trình đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực (i) Thiết kế các công trình cơ sở hạ tầng theo đúng Quy phạm của tỉnh An Giang quy định vào năm 2001; Thiết kế các công trình nhà công vụ, nhà dân...đảm bảo với quy phạm của tỉnh (quy định về độ cao của nền cao hơn đỉnh lũ năm 2000 (đỉnh lũ năm 2000+ 0,5dm). Vấn đề liên quan đến các mô hình nhà

ở của dân trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, đảm bảo lồng ghép ngay từ khâu thiết kế để có thể giảm nhẹ rủi ro thiên tai (lũ lụt và bão cấp 6)

Các giải pháp phi công trình như:

- Ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm kỹ thuật, quy chuẩn xây dựng phục vụ cho công tác thiết kế, thi công xây dựng có tính đến tác động của thiên tai lên công trình trong quá trình xây dựng và sử dụng (như bão lũ, sạt lở đất, động đất...), các quy định về cao trình thiết kế vượt lũ, tần suất thiết kế để đảm bảo an toàn cho công trình khi có thiên tai (như bão lũ, sạt lở đất, động đất...)
- Hàng năm thường ban hành và tổ chức tập huấn các tài liệu hướng dẫn các biện pháp về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai
- Thường xuyên rà soát các văn bản chính sách về giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong xây dựng đô thị và nông thôn; rà soát quy hoạch của ngành; tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai; xây dựng các mẫu nhà phù hợp với vùng lũ lụt, bão...
- Tăng cường sự giám sát của cộng đồng trong thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, và tham gia vào giai đoạn vận hành và bảo trì các công trình giao thông nông thôn;
- Đào tạo nâng cao nguồn nhân lực như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý rủi ro thiên tai; Đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo trong nước và nước ngoài, đặc biệt ưu tiên các lĩnh vực xây dựng dân sự ở khu vực nông thôn và khu vực đô thị, đặc biệt là trong các xã thường xuyên có thiên tai xảy ra
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn an toàn đã được quy định trong các văn bản của Bộ xây dựng.
- Trước mùa mưa, lũ, bão: Hàng năm có văn bản đôn đốc, nhắc nhở các Ban QLDA và UBND huyện/thị xã, thành phố có những giải pháp cụ thể để bảo vệ các công trình trong mùa mưa lũ, trồng cây chắn sóng, gia cố đê bao các cụm tuyến dân cư vượt lũ
- Lồng ghép một số tiêu chí kỹ thuật phòng chống giảm nhẹ thiên tai để xem xét thông qua công tác quy hoạch, thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm tra các hồ sơ thiết kế công trình
- Quy hoạch xây dựng ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu và nước biển dâng trên địa bàn tỉnh An Giang

Lồng ghép giảm nhẹ thiên tai vào các giai đoạn:

Phòng ngừa:

- Lồng ghép từ khâu lập quy hoạch: như chọn đất xây dựng, vị trí xây dựng, giải pháp kiến trúc, cao trình thiết kế... việc áp dụng các quy phạm kỹ thuật, tiêu chuẩn quy chuẩn xây dựng đảm bảo an toàn trong điều kiện thiên tai của khu vực
- Quan tâm đưa vào Quy hoạch nguồn vốn để triển khai thực hiện ngắn hạn, dài hạn, phù hợp với xu thế đối phó với hiện tượng BĐKH toàn cầu

Ứng phó chống đỡ khi thiên tai xảy ra:

- Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức phòng chống lụt bão rộng rãi trong cộng đồng dân cư. Phương châm chủ yếu là 4 tại chỗ
- Quy hoạch, xây dựng mạng lưới công trình công cộng có khả năng ứng phó khi xảy ra thiên tai, làm nơi trú ẩn an toàn

Khắc phục ngay hậu quả khi có sự cố do thiên tai gây ra

#### Giải pháp công trình

- Thực hiện chương trình cụm tuyến dân cư vượt lũ, chương trình nhà ở cho người thu nhập thấp, di dời nhà ở sông kênh rạch, nhà ở vùng sạt lở/có nguy cơ sạt lở trước mùa mưa lũ
- Đầu tư xây dựng các công trình công cộng như bệnh viện, trường học, trụ sở làm việc, cơ quan nhà nước...đảm bảo là nơi trú ẩn bão lũ cho nhân dân khi xảy ra thiên tai lũ lụt, bão...

Bước 6:

- ⇒ Văn phòng sở Xây dựng tập hợp ý kiến đóng góp và hoàn thành Kế hoạch ngành và trình Giám đốc sở Xây dựng phê duyệt

Bước 5

- ⇒ Giám đốc sở Xây dựng phê duyệt và gửi Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Sở KHĐT, sở NNPTNT, sở tài chính, Chi cục thống kê, Ban phòng chống lụt bão và TKCN tỉnh, vào đầu tháng 8/2009.

#### **Một số quy định của Bộ Xây dựng**

- Bộ xây dựng ban hành Hướng dẫn kỹ thuật xây dựng phòng và giảm nhẹ thiên tai do bão ở trong vùng đồng bằng Sông Cửu Long
- Đối với thiên tai như bão lũ, sạt lở đất, động đất...ngành xây dựng đã có tiêu chí kỹ thuật để thiết kế công trình xây dựng chịu đựng được bão lũ, động đất tùy theo mức độ quan trọng của công trình (theo phân cấp công trình)

Về bão gió: Bộ xây dựng đã ban hành

- Tiêu chuẩn tính toán tác động của tải trọng gió bão theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 2737-1955 trong đó phân cấp vùng áp lực gió và có số liệu tính toán đến từng huyện, thị của các tỉnh Đồng Bằng sông Cửu Long để làm cơ sở thiết kế, thi công
- Tài liệu hướng dẫn tính toán kết cấu chịu tác động của gió bão
- Tài liệu hướng dẫn một số giải pháp dân gian phòng chống bão cho nhà dân

Về động đất: Bộ xây dựng đã ban hành

- TCXDVN 356:2006 – Tính toán và thiết kế kết cấu chịu động đất trong đó xác định giá trị gia tốc đỉnh đất nền thiết kế cho toàn quốc và có số liệu tính toán cho từng huyện, thị của các tỉnh Đồng sông Cửu Long để làm cơ sở thiết kế kháng

## Tài liệu tham khảo

1. Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020
2. Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam
3. Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; NN&PTNT; Tài nguyên & Môi trường; Xây dựng; Giao thông - Vận tải; Khoa học và Công nghệ; Quốc phòng; Tài chính; Nội vụ; Thông tin và Truyền thông; Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Đài truyền hình Việt Nam; Đài tiếng nói Việt Nam.
4. Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 của các tỉnh, thành phố: Lai Châu, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, TT Huế, Quảng Nam, Bình Định, Đồng Nai, Long An, An Giang và một số tỉnh khác.
5. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về Phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ rủi ro thiên tai (từ năm 2001 tới nay).
6. Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 3/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011- 2015.
7. Quyết định số 46/2006/QĐ-TTg ngày 28/2/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn đến năm 2015 tầm nhìn đến năm 2020.
8. Báo cáo của BCĐPCLBTW tổng kết công tác phòng, chống lụt bão 5 năm 1996 - 2000 khu vực các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long
9. Chủ động phòng tránh lụt, bão, giảm nhẹ rủi ro thiên tai - phát triển bền vững (*Báo cáo của BCĐPCLBTW tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác phòng chống lụt bão 5 năm 2001-2005*)
10. Báo cáo của BCĐPCLBTW tổng kết công tác phòng chống lụt bão năm 2008.
11. Báo cáo Quốc gia về tiến độ thực hiện Khung hành động Hyogo năm 2008
12. Báo cáo của BCĐPCLBTW về Tiến độ một năm thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020.
13. Đánh giá năng lực thể chế giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở Việt Nam - Giai đoạn I năm 2003 (Đối tác Giảm nhẹ rủi ro thiên tai – NDMP)
14. Báo cáo kết quả nghiên cứu rà soát lồng ghép quản lý rủi ro thiên tai vào lập Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội ở Việt Nam-12/2007 (Đối tác Giảm nhẹ rủi ro thiên tai – NDMP)
15. Thông tư 01/025/TT-BKH của Bộ Kế hoạch & Đầu tư hướng dẫn thực hiện Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam.
16. Sổ tay hướng dẫn phương pháp nghiên cứu xây dựng Kế hoạch phát triển bền vững ngành, lĩnh vực và vùng, lãnh thổ ( Văn phòng Phát triển bền vững - Dự án VIE/01/021)
17. Gắn thích ứng biến đổi khí hậu với quản lý rủi ro thiên tai – nghiên cứu điển hình tại Việt Nam - Nguyễn Hữu Ninh, Trưởng nhóm tác giả, Việt Nam  
(Báo cáo đánh giá lần thứ tư Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu- IPCC)

18. Ứng phó với biến đổi khí hậu và biển dâng ở ĐBSCL và duyên hải Miền Trung - Một số nhiệm vụ cần triển khai ( GS.TSKH Nguyễn Ngọc Trân)
23. Kỹ yếu hội thảo: Tác động của biến đổi khí hậu và kế hoạch hàng động của địa phương: Trường hợp miền Trung Việt Nam
24. Oxfam Anh: Việt Nam Biến đổi khí hậu, sự thích ứng và người nghèo. Tháng 10/2008
25. Đối tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai: Báo cáo kết quả nghiên cứu về lồng ghép quản lý thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. Lê Thị Mộng Phượng 12-2007.
26. World Vision, DW, Spanish Red Cross, Care, CECI, UNDP, The Netherlands Red Cross, Save the Childrent: Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng. Một số điển hình tốt. Việt Nam 2007
27. Chương trình hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020. Bộ xây dựng
28. Chương trình hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020. Bộ giao thông Vận tải
29. Chương trình hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020. Bộ kế hoạch và Đầu tư
30. Chương trình hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020. Tỉnh Nam Định
31. IUCN: Tài liệu hội thảo: tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Giao Thủy, Nam Định, tháng 5 năm 2009.
32. Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
33. Khung Chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2008-2020
34. Tài liệu kỹ thuật: Hướng dẫn kỹ thuật lồng ghép môi liên hệ đói nghèo- môi trường trong kế hoạch phát triển. Hà nội tháng 8/2009. (UNPD- DFID- Bộ Tài Nguyên và Môi trường)



## **PHỤ LỤC**

### ***Phụ lục 1. Tham khảo thích ứng với biến đổi khí hậu được lồng ghép vào một số ngành***

**(Trích từ Chương trình Mục tiêu quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu do Bộ Tài Nguyên Môi trường soạn thảo triển khai thực hiện Nghị quyết số 60/2007 ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính Phủ. Trang 37-38)**

#### **Đối với Tài nguyên nước**

Chính sách chủ yếu để thích ứng với BĐKH là sử dụng nguồn nước khoa học, tiết kiệm và hợp lý, có hiệu quả, đảm bảo an toàn cung cấp đủ nước cho mọi nhu cầu. Các hoạt động chính bao gồm:

- Xây dựng và hoàn thiện khung các văn bản pháp luật đồng bộ với các luật và các văn bản dưới luật, sửa đổi và hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan;
- Các bộ, ngành liên quan củng cố bộ máy quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước ở các cấp trong điều kiện BĐKH;
- Xây dựng chương trình, kế hoạch thích ứng với BĐKH trong lĩnh vực quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại các ngành, các cấp;
- Xác định các giải pháp KHCN phù hợp như: quy hoạch tổng thể lưu vực sông, thay đổi các tiêu chuẩn kỹ thuật các công trình khai thác và sử dụng nước, các biện pháp tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn nước, duy trì bảo vệ nguồn nước, kiểm soát ô nhiễm nước, thoát lũ, tiêu úng, chống xâm nhập mặn và giữ ngọt;
- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về sử dụng bền vững tài nguyên nước thích ứng với BĐKH.

#### **Nông nghiệp**

Hoạt động thích ứng với BĐKH trong nông nghiệp chủ yếu là đảm bảo xây dựng nền nông nghiệp sạch, hàng hóa, đa dạng, bền vững, tiếp cận nhanh và áp dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học, công nghệ mới, công nghệ cao, có khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế; xây dựng nông thôn mới có hạ tầng kỹ thuật phát triển, theo hướng hiện đại, có cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ hợp lý; đảm bảo đủ việc làm, xóa đói giảm nghèo, xã hội nông thôn văn minh, dân chủ và công bằng, mọi người sống sung túc; đảm bảo an ninh lương thực và phát triển nền nông nghiệp sinh thái.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các bộ, ngành có liên quan cần xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH, trong đó chú ý những nội dung sau:

- Xây dựng và hoàn thiện khung các văn bản pháp luật đồng bộ với các luật và các văn bản dưới luật để bảo vệ nền nông nghiệp hàng hóa, sạch, đa dạng, phát triển bền vững;

- Sử đổi và hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ áp dụng các công nghệ mới, các giải pháp khoa học kỹ thuật hiện đại chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và biện pháp kỹ thuật canh tác mới phù hợp với BĐKH;
- Xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động KHCN thích ứng với BĐKH của ngành nông nghiệp;
- Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, mặt nước thủy sản hiệu quả với sự xem xét đến tác động trước mắt và tác động tiềm tàng của BĐKH đảm bảo nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa ổn định và bền vững;
- Quy hoạch khai thác sử dụng hiệu quả nguồn nước trên các hệ thống thủy lợi có xét đến tác động của BĐKH.

### **Y tế và sức khỏe**

Thích ứng với BĐKH trong ngành Y tế là chiến lược giám sát và kiểm soát về y tế các vùng và địa phương để đảm bảo an toàn sức khỏe cho nhân dân trong các điều kiện BĐKH và thiên tai.

Bộ Y tế và các bộ, ngành, địa phương cần xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và liên quan tới y tế và sức khỏe cộng đồng, trong đó những nội dung cần được chú ý bao gồm:

- Thiết lập tiêu chuẩn y tế về vệ sinh môi trường cho các khu vực đông dân, xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn y tế và bảo vệ sức khỏe cho mọi hoạt động dân sinh kinh tế có tính đến BĐKH;
- Kiểm dịch chặt chẽ tại biên giới, cửa khẩu nhằm ngăn chặn sự lây nhiễm;
- Tăng cường áp dụng các giải pháp về công nghệ, trang thiết bị, hệ thống kiểm soát bệnh tật phát sinh, phát triển, lây lan trong điều kiện BĐKH, nhất là sau thiên tai;
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cộng đồng nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức về sức khỏe môi trường do tác động của BĐKH.

### **Các lĩnh vực khác**

Các bộ, ngành cần xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của

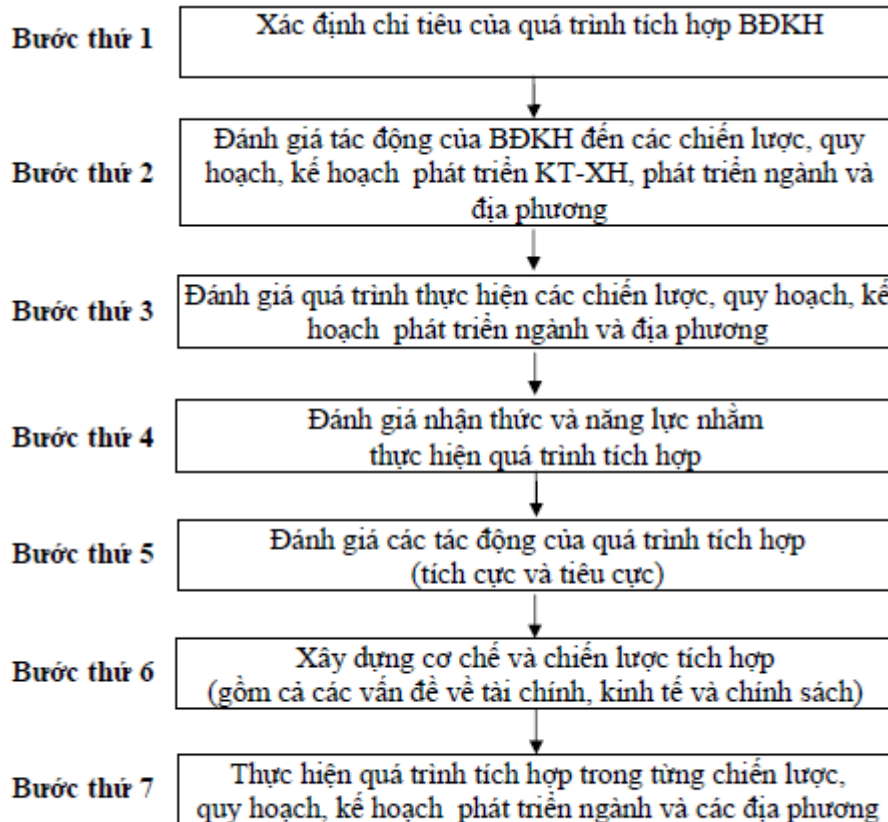
ngành, trong đó các nội dung quan trọng cần được chú ý bao gồm:

- Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó trên cơ sở rà soát lại các hoạt động của ngành và điều chỉnh các luật, quy phạm, quy chế, quy tắc điều chỉnh hoạt động của ngành phù hợp với điều kiện có BĐKH;
- Xây dựng kế hoạch áp dụng các công nghệ tiên tiến có khả năng thích ứng cao với BĐKH nhằm bảo vệ sự phát triển an toàn và bền vững của các ngành kinh tế;
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng cao nhận thức cho cộng đồng về BĐKH thuộc lĩnh vực quản lý.

## **PHỤ LỤC I: KHUNG KẾ HOẠCH TÍCH HỢP BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀO CÁC CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

Quá trình tích hợp BĐKH nhằm nâng cao nhận thức về BĐKH, khả năng ứng phó với tác động của BĐKH, duy trì sự ổn định và tính hiệu quả của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH, phát triển ngành và các địa phương hiện đang được thực hiện; góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước.

Quá trình tích hợp BĐKH vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH, phát triển ngành và các địa phương có thể được thực hiện theo quy trình như sau:



Hình 1: Quy trình tích hợp biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH, phát triển ngành và địa phương

**Bước thứ 1:** Xác định chỉ tiêu của quá trình tích hợp yếu tố BĐKH vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH, phát triển ngành và các địa phương

**Bước thứ 2:** Đánh giá tác động của BĐKH đến các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH, phát triển ngành và các địa phương.

Quá trình tích hợp cần đưa ra được các minh chứng về tác động của BĐKH tới các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH, phát triển ngành và các địa phương

**Bước thứ 3:** Đánh giá quá trình thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và địa phương. Đề tích hợp yếu tố BĐKH vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển cần đánh giá việc thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được xác

định. Các đánh giá này nhằm mục đích chỉ ra các phạm vi và nội dung mà Chương trình cần ưu tiên thực hiện quá trình tích hợp và đảm bảo tính hiệu quả của cơ chế chính sách và chiến lược tích hợp nói chung. Quá trình đánh giá này sẽ chú trọng tới các nội dung đã và đang được thực hiện của từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển. Một số các vùng và ngành có tính nhạy cảm và dễ bị tổn thương cao đối với các tác động do BĐKH sẽ được quan tâm đặc biệt.

Quá trình đánh giá này cần được thực hiện với sự hợp tác của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, khu vực và vùng đã và đang thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và địa phương.

**Bước thứ 4:** Đánh giá nhận thức và năng lực về BĐKH của đội ngũ cán bộ của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành nhằm thực hiện quá trình tích hợp.

Quá trình tích hợp sẽ được thực hiện theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo quốc gia và Ban Chủ nhiệm Chương trình với sự hợp tác của bộ máy điều hành các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển. Tuy nhiên, các công việc cụ thể của quá trình tích hợp sẽ được thực hiện phần lớn bởi các cán bộ của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển. Do đó, đánh giá nhận thức về BĐKH và đội ngũ cán bộ đã và đang thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển là rất cần thiết. Quá trình đánh giá này cũng sẽ hỗ trợ cho việc xây dựng cơ chế chính sách và chiến lược của quá trình tích hợp nhằm đảm bảo tính hiệu quả của quá trình tích hợp nói riêng và của toàn bộ Chương trình nói chung. Quá trình đánh giá này cũng sẽ xác định được các khu vực và lĩnh vực cần được quan tâm, chú trọng đặc biệt trong quá trình ứng phó với BĐKH.

**Bước thứ 5:** Đánh giá các tác động của quá trình tích hợp (tích cực và tiêu cực).

Nội dung đánh giá bao gồm: quá trình thực hiện, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển; các tác động tích cực hoặc tiêu cực của quá trình tích hợp này đối với các khu vực và lĩnh vực ưu tiên, với quá trình thực hiện trong tương lai của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và đóng góp của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển này cho sự phát triển KT-XH của đất nước trong bối cảnh tác động của BĐKH ngày càng gia tăng.

Quá trình đánh giá tác động này cung cấp các thông tin ban đầu cho việc xây dựng các cơ chế chính sách, chiến lược và các hành động cụ thể của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển trong quá trình tích hợp.

**Bước thứ 6:** Xây dựng cơ chế chính sách và chiến lược tích hợp (bao gồm cả các vấn đề về tài chính, kinh tế và chính sách).

Quá trình xây dựng cơ chế chính sách và chiến lược tích hợp sẽ được thực hiện theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo quốc gia và Ban Chủ nhiệm Chương trình với sự hỗ trợ kỹ thuật của đại diện của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển.

Cơ chế chính sách và chiến lược tích hợp cần dựa trên kết quả đánh giá quá trình thực hiện, năng lực và nhận thức về BĐKH của đội ngũ cán bộ của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và quá trình đánh giá tác động ban đầu của quá trình tích hợp.

Quá trình xây dựng cơ chế chính sách và chiến lược này cần nêu bật các khu vực và lĩnh vực ưu tiên; đưa ra các bước hành động cụ thể và có hướng dẫn đánh giá, giám sát thường xuyên dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo quốc gia và Ban Chủ nhiệm Chương trình, và được sự hỗ trợ của Ban Chỉ đạo chương trình hành động ở cấp bộ/ngành, địa phương và Ban Điều hành các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và các địa phương.

**Bước thứ 7:** Thực hiện quá trình tích hợp trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển.

Quá trình tích hợp được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo quốc gia và Ban Chủ nhiệm Chương trình, và được sự hỗ trợ của Ban Chỉ đạo chương trình hành động ở cấp bộ/ngành, địa phương và Ban Điều hành các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và các địa phương.

*(trích từ Chương trình Mục tiêu quốc gia thích ứng với Biến đổi khí hậu – trang 60-61)*

## **Phụ lục 2 – Thuật ngữ sử dụng**

Vì mục đích của nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng một số khái niệm sau đây, dựa vào các thuật ngữ của UNISDR (xem: <http://www.unisdr.org/eng/library/lib-terminology-eng%20home.htm>) và của ActionAid, Hội chữ thập đỏ Việt Nam:

**1 Thiên tai:** Thiên tai là một hiện tượng của thiên nhiên, có tác động mạnh và gây ra nhiều thiệt hại về người, kinh tế, xã hội của các vùng ở một số vị trí địa lý nhất định (ActionAid Vietnam "AAV"2005)

**2 Lũ:** Lũ là mực nước và tốc độ của dòng chảy trên sông, suối vượt quá mức bình thường (AAV,2005)

**2.1 Lũ ven biển:** Xuất hiện khi sóng biển dâng cao đột ngột kết hợp với triều cường, phá vỡ đê biển vào đất liền làm nước sông chảy thoát ra biển chậm gây ngập lụt

Lũ quét: diễn ra nhanh trong thời gian ngắn, dòng nước chảy với tốc độ lớn

### **3 Áp thấp nhiệt đới và bão <sup>43</sup>:**

Áp thấp nhiệt đới và bão là một cơn gió xoáy có phạm vi rộng, có thể ảnh hưởng tới một vùng có đường kính từ 200 – 500 km. Chúng thường gây ra gió lớn và mưa rất to.

Tốc độ gió được đo theo một bảng gọi là Bảng Beaufort. Bảng này phân chia tốc độ gió thành cấp từ 0 đến 12 và thành số kilomet/giờ. Khi sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm của gió xoáy đạt tới cấp 6, cấp 7 (39 đến 61 km/giờ) thì được gọi là áp thấp nhiệt đới; khi sức gió mạnh nhất đạt từ cấp 8 trở lên (từ 62 km/giờ trở lên) thì được gọi là bão.

### **4. Quản lý thiên tai:**

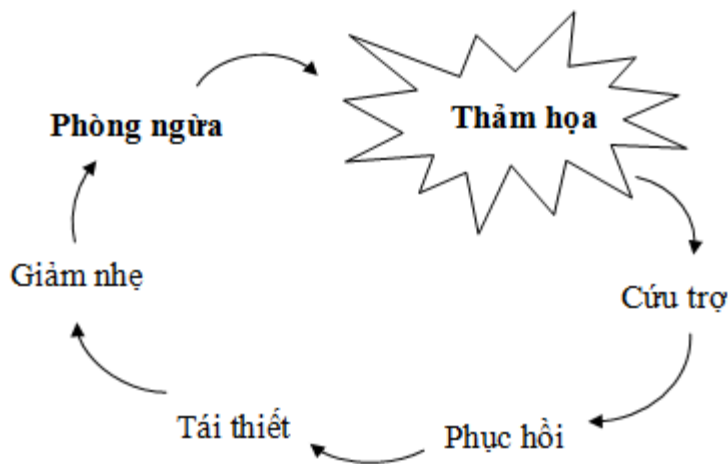
Quản lý thiên tai bao gồm một loạt các hoạt động can thiệp có thể được tiến hành trước, trong, sau một hiện tượng thiên tai xảy ra như bão hoặc lụt, nhằm giảm đến mức tối thiểu những mất mát về người và tài sản, đồng thời thúc đẩy nhanh chóng quá trình khắc phục.

### **4. Quản lý thiên tai:**

Quản lý thiên tai bao gồm một loạt các hoạt động can thiệp có thể được tiến hành trước, trong, sau một hiện tượng thiên tai xảy ra như bão hoặc lụt, nhằm giảm đến mức tối thiểu những mất mát về người và tài sản, đồng thời thúc đẩy nhanh chóng quá trình khắc phục.

## **Hình số 2: CHU TRÌNH QUẢN LÝ THIÊN TAI**

<sup>43</sup> Sách đã dẫn như trên, (bài 3, trg. 21)



Chu trình quản lý thiên tai đưa ra một loạt các hành động nối tiếp nhau để chủ động quản lý các vấn đề do thiên tai gây ra.

**4.1 Các giai đoạn trong chu kỳ quản lý thiên tai** (thiên tai ở đây chủ yếu tập trung vào bão và lụt, lũ)

#### 4.1.1 . Cứu trợ

Bao gồm các hoạt động thực hiện *trong và sau* khi thiên tai xảy ra nhằm trợ giúp những người bị ảnh hưởng như: tìm kiếm, cứu hộ, cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm, chăm sóc sức khỏe, sửa chữa phương tiện cần thiết, hỗ trợ về tâm lý....

#### 4.1.2 . Phục hồi

Các hoạt động nhằm khôi phục những dịch vụ cơ bản giúp những người bị ảnh hưởng do thiên tai **phục hồi** nhanh chóng, gồm: hỗ trợ sửa chữa nhà ở, thiết lập các dịch vụ thiết yếu, phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội chủ chốt...

#### 4.1.3 Tái thiết và phát triển

Là các biện pháp tiến hành nhằm sửa chữa hoặc thay thế cơ sở hạ tầng đã bị thiệt hại để phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội. Các hoạt động này gồm tái thiết cơ sở hạ tầng và khôi phục tất cả các dịch vụ.

**4.1.4. Giảm nhẹ rủi ro thiên tai** bao gồm một loạt các biện pháp kể cả phòng ngừa, cứu trợ, tái định cư, và khả năng cảnh báo thiên tai, các chương trình công trình và phi công trình. Gồm tất cả các biện pháp có thể thực hiện nhằm giảm đến mức thấp nhất những tác động của thiên tai nhờ đó giảm nhẹ mức độ nghiêm trọng của thảm họa.

Các biện pháp giảm nhẹ có thể là các biện pháp vật chất/ công trình (*xây dựng đê điều, nhà ở an toàn...*); hoặc các biện pháp mang tính pháp lý (*nghiêm cấm người dân xây dựng nhà ở phía ngoài đê...*); hay các biện pháp phi công trình (*tập huấn, nâng cao nhận thức cộng đồng, vận động về các án đề phát triển..*).

#### 4.1.5. Phòng ngừa

Gồm các biện pháp cần tiến hành khi có dự báo thiên tai sẽ xảy ra để kịp thời ứng phó một cách phù hợp và hiệu quả.

Các hoạt động phòng ngừa có thể làm giảm đến mức thấp nhất tác động của thiên tai như *xây dựng năng lực của các tổ chức trong cộng đồng nhằm thực hiện tốt các hoạt động cảnh báo, tìm kiếm và cứu hộ, sơ tán và cứu trợ, xây dựng và thực hiện các kế hoạch*

phòng ngừa thảm họa, dự trữ thiết bị, hàng hóa để huy động kịp thời, chuẩn bị hệ thống thông tin liên lạc trong tình huống khẩn cấp, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng...

### 5. Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng

**Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng:** là phương pháp tập cận và thúc đẩy mọi thành viên trong cộng đồng (bao gồm cả những đối tượng dễ bị tổn thương nhất) tham gia vào quá trình quản lý thiên tai: thu thập thông tin, phân tích đánh giá, lập kế hoạch, thực hiện, kiểm tra và giám sát, huy động các nguồn lực và khả năng tại cộng đồng nhằm giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và rủi ro trong thiên tai.

**Mô hình quản lý thiên tai trước đây:** ↓

Từ trên xuống → áp đặt, bị động

Cộng đồng không được tham gia và bị phụ thuộc vào các nguồn lực cũng như quyết định từ bên ngoài

**Mô hình quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng: Hiện nay**

Từ dưới lên- Dựa vào cộng đồng → Chủ động.

Cộng đồng chủ động tham gia vào quá trình ra quyết định, huy động nguồn lực tại cộng đồng

**6. Quản lý rủi ro thiên tai:** Là tiến trình hệ thống về sử dụng các quyết định hành chính, tổ chức, kỹ năng thực hiện và năng lực thực hiện chính sách, chiến lược và khả năng đối phó của xã hội và cộng đồng để giảm nhẹ tác động của hiểm họa tự nhiên và các thiên tai có liên quan đến môi trường và công nghệ. Bao gồm tất cả các hoạt động, bao gồm các biện pháp công trình và phi công trình để phòng tránh hay hạn chế (giảm nhẹ và phòng ngừa) các tác động bất lợi của hiểm họa.

### 7. Tình trạng dễ bị tổn thương

Tình trạng dễ bị tổn thương là một loạt các điều kiện tác động bất lợi tới khả năng của một cá nhân, hộ gia đình hay một cộng đồng trong việc ngăn ngừa, giảm nhẹ, phòng chống, hoặc ứng phó với bão, lụt, lũ...do thiên tai gây ra.

*Các nhóm nằm trong tình trạng dễ bị tổn thương*

- Nhóm có điều kiện vật chất mong manh, phương tiện không đầy đủ (người nghèo)
- Nhóm có các địa điểm trú ngụ nguy hiểm
- Nhóm có công trình cơ sở hạ tầng yếu kém, không đủ sức chống chọi với thiên tai
- Nhóm có nhà ở không đảm bảo, xây dựng nơi nguy hiểm
- Nhóm có mức thu nhập thấp, không ổn định, không có nguồn tiết kiệm để huy động khi cần thiết
- Phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người neo đơn, người ốm yếu bệnh tật
- Nhóm không có sự đoàn kết, không có các dịch vụ cơ bản, thiếu kỹ năng và thiếu hiểu biết về thiên tai, hiểm họa, thiếu thông tin.

### 8. Rủi ro:



Là khả năng có thể gặp nguy hiểm hoặc chịu thiệt hại, mất mát. Là những thiệt hại được dự đoán (số người chết, bị thương, thiệt hại tài sản, sinh kế, các hoạt động kinh tế bị đình trệ hay các tổn thất về môi trường) do một hiện tượng cụ thể gây ra. Rủi ro là hàm số giữa khả năng xảy ra cụ thể và những thiệt hại từng trường hợp sẽ xảy ra..

### 8.1 Rủi ro trong thiên tai

Là khả năng thiên tai có thể ảnh hưởng có hại đến một cộng đồng dễ bị tổn thương vốn rất ít năng lực để đối phó với những hậu quả (*những mất mát xảy ra đối với con người, tài sản và môi trường do thiên tai gây ra như bão, lũ, lụt...*).

### 8.2 Mối quan hệ giữa thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng

Mối quan hệ giữa thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương (DBTT) và khả năng có thể trình bày như sau:

$$\text{Rủi ro trong thiên tai} = \frac{\text{Thiên tai} \times \text{Tình trạng DBTT}}{\text{Khả năng}}$$

Rủi ro trong thiên tai sẽ tăng lên nếu thiên tai tác động đến một cộng đồng dễ bị tổn thương và có khả năng hạn chế. Do đó, để giảm nhẹ rủi ro trong thảm họa, một cộng đồng có thể thực hiện các hoạt động nhằm làm giảm nhẹ tác hại của hiểm họa, giảm nhẹ tình trạng DBTT và nâng cao khả năng của cộng đồng.

**9. Hiểm họa:** Một sự kiện hoặc hiện tượng có khả năng gây tổn thương cho đời sống con người và gây thiệt hại về tài sản và môi trường

**10. Thảm họa:** Là sự phá vỡ nghiêm trọng hoạt động của một xã hội, gây ra tổn thất về người, môi trường và vật chất trên diện rộng vượt quá khả năng đối phó của xã hội bị ảnh hưởng nếu chỉ sử dụng nguồn lực của xã hội đó.

**11. Năng lực đối phó:** Là những phương tiện mà con người hay tổ chức sử dụng nguồn lực

và khả năng có sẵn để đối mặt với những bất lợi của hậu quả có thể dẫn đến thảm họa.

**12. Thích ứng:** Thích ứng trong ứng phó với những biến đổi, tác động của khí hậu thực sự hay ước tính (thích ứng ‘trước kỳ hạn’ hay ‘chủ động’ là thích ứng diễn ra trước khi các tác động của biến đổi khí hậu được quan sát)

**13. Khả năng:** là những điểm mạnh về điều kiện và các nguồn lực tồn tại và hiện hữu như: Kỹ năng, kiến thức, phương tiện và các điều kiện sẵn có trong các hộ gia đình và cộng đồng để giúp họ ứng phó, chống chọi, chuẩn bị, phòng ngừa, giảm nhẹ hoặc phục hồi nhanh chóng trước tác động của thiên tai, thảm họa.

**14. Phòng ngừa:** Nâng cao khả năng dự đoán, nâng cao nhận thức, chuẩn bị và ứng phó tốt trước sự ảnh hưởng của thảm họa

### 15. Giảm nhẹ rủi ro trong thiên tai

Giảm nhẹ rủi ro trong thiên tai là biện pháp và hành động được triển khai trước khi thảm họa xảy ra nhằm giảm thiểu rủi ro, thiệt hại đến tính mạng, tài sản, kinh tế, xã hội và môi trường (ActionAid Vietnam 2005).

*Mục đích của giảm nhẹ rủi ro trong thảm họa là giảm nhẹ tác động của hiểm họa, giảm bớt tình trạng dễ bị tổn thương và tăng cường khả năng ứng phó của cộng đồng.*

**16. Giảm nhẹ** Là khung khái niệm về các nhân tố cần được cân nhắc các khả năng để

giảm thiểu tối **rủi ro** đa tình trạng dễ bị tổn thương và rủi ro thiên tai trong xã hội, tránh hay hạn chế (giảm **thiên tai** nhẹ và phòng ngừa) các tác động bất lợi trong bối cảnh phát triển bền vững.

*Giảm nhẹ:* Giảm nhẹ đề cập đến các biện pháp công trình và phi công trình được tiến hành để giảm thiểu tác động bất lợi của hiểm họa tự nhiên, suy thoái môi trường và hiểm họa công nghệ. Về mặt biến đổi khí hậu “giảm nhẹ” có ý nghĩa riêng biệt: có liên quan đến các nỗ lực của con người trong việc làm giảm nguồn phát thải khí nhà kính.

**17. Lòng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai:** Bất cứ động thái nào, của bất cứ ngành nào đều đưa vấn đề giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào. Các dự án, chương trình đều phải có thẩm định rủi ro thiên tai, kể cả về phương diện kinh tế lẫn xã hội. (Trần Đình Dũng, chi cục trưởng chi cục thủy lợi Hà Tĩnh)

**18. Các nhóm biện pháp giảm nhẹ rủi ro.** Các biện pháp GNRR được phân loại như sau:

#### ***Các biện pháp quy hoạch công trình***

Những nơi tập trung các yếu tố chịu rủi ro cao, nếu xảy ra thảm họa thì thiệt hại rất lớn (*mật độ dân cư cao, các công trình xây dựng tập trung ở những nơi không an toàn..*), Nhóm biện pháp này chỉ ra việc lựa chọn vị trí an toàn và bảo dưỡng cho các công trình xây dựng: cầu, đường, trường, trạm, khu dân cư..

#### ***Các biện pháp kinh tế***

Nền kinh tế địa phương có thể dễ bị thảm họa tác động nhiều hơn là hệ thống cơ sở vật chất, việc đa dạng hóa nền kinh tế là một cách làm quan trọng để giảm nhẹ rủi ro, kinh tế đa dạng là cách phòng ngừa thảm họa (*có thể thông qua các chương trình phát triển cộng đồng nhằm hỗ trợ về tài chính (cấp không hoặc cho vay, làm phương tiện sản xuất).*

#### ***Các biện pháp kỹ thuật***

Bao gồm các công tác kỹ thuật quy mô lớn (*xây dựng nhà ở vững chắc hơn*) cho đến các dự án quy mô nhỏ dựa vào cộng đồng.

***Xây dựng năng lực:*** Các nỗ lực nhằm phát triển các kỹ năng của con người, cơ sở hạ tầng xã hội trong cộng đồng/tổ chức mà cần giảm nhẹ mức độ rủi ro.

**Danh sách những người được tham vấn tại tỉnh An Giang**

<b>Stt</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ và nơi công tác</b>
	<b>Tỉnh An Giang</b>	
1	Phạm Văn Lê	Chi cục trưởng chi cục thủy lợi
2	Nguyễn Thị Xuân	Chuyên viên văn phòng PCLB
3	Trần Quang Trung	Chuyên viên Kế hoạch phòng KHTC
4	Nguyễn Văn Cọp	Chuyên viên Kế hoạch Phòng KHTC
5	Trần Huyền Trân	Chuyên viên chi cục thủy lợi
6	Đỗ Vũ Hùng	PGĐ sở NN&PTNT
7	Trần Huyền Tĩnh	Phó trưởng phòng kế hoạch sở NN&PTNT
8	Võ Thanh Tâm	Chi cục trưởng chi cục bảo vệ thực vật
9	Võ Thành Minh	Chuyên viên phòng KHTC
10	Trần Anh Dũng	Chi cục trưởng chi cục thủy sản
11	Nguyễn Đức Thắng	Chi cục phó chi cục kiểm lâm
12	Phan Hồng Cường	Phó Giám đốc Trung tâm khuyến nông/KL
13	Trần Anh Thư	Phó Giám đốc sở TNMT
14	Huỳnh Lê Phong	Trưởng phòng KHTC
15	Trịnh Hữu Thọ	Phó Giám đốc sở Y tế
16	Võ Văn Đường	Phó phòng nghiệp vụ Y dược sở y tế
17	Đoàn Thanh Hùng	Chuyên viên phòng Kế hoạch tài chính, sở Y tế
18	Lý Thanh Tú	Phó giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo
19	Vũ Thu Phương	Chuyên viên Kế hoạch- Văn phòng sở GD&ĐT
20	Nguyễn Thanh Hưng	Phó giám đốc sở GTVT
21	Nguyễn Thanh Sang	Phó phòng quản lý giao thông
22	Lê Công Thạch	Chánh văn phòng sở GTVT
23	Không rõ tên	Cán bộ Kế hoạch văn phòng sở Xây dựng
24		
25		

**PHỤ LỤC****BẢNG ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỒN THƯƠNG VÀ LẬP KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG GIẢM NHẸ THIÊN TAI**

VẤN ĐỀ (1)	Địa điểm xảy ra (2)	Nguyên nhân (3)	Giải pháp (4)	Quy mô Dự thảo thiết kế (5)	Đơn vị thực hiện (6)	Đơn vị phối hợp (7)	Dự trù kinh phí (8)				Thời gian thực hiện (9)	Ghi chú (10)
							TƯ	Tỉnh	Khác	Đóng góp của CĐ		
Sạt lở bờ sông		- Lũ - Khai thác cát trái phép - Xây dựng nhà trái phép										
Sạt lở đường giao thông												
Sạt lở bờ bao												
Trẻ em chết đuối, thương tích trong lũ												
Nhà dân bị sập trong mùa lũ												
Trường học												

bị sập trong mùa lũ												
Công trình thủy lợi bị hỏng trong mùa lũ												
Thiếu nước sạch trong mùa lũ												
Ô nhiễm môi trường trong mùa lũ												

Chú ý: Cột (2) Nguyên nhân: tùy vào từng địa phương để đưa ra các nguyên nhân đúng với thực tế ở địa phương mình, bởi xác định đúng nguyên nhân mới có thể đưa ra các giải pháp chính xác, ví dụ nếu nguyên nhân là do lũ lụt thì giải pháp là xây kè chống sạt lở. Còn nếu nguyên nhân là do khai thác cát trái phép thì giải pháp (i) Xây kè phòng chống sạt lở và (ii) Kiểm tra, kiểm soát thường xuyên, có chế tài xử phạt...; Còn nếu nguyên nhân là (a)Lũ và (b)xây nhà trái phép trên bờ sông thì giải pháp là (i) Xây kè phòng chống sạt lở (ii) có biện pháp cưỡng chế các hộ xâm chiếm hành lang an toàn dòng sông(iii) Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng và lồng ghép đưa vấn đề không xâm chiếm hành lang an toàn sông vào quy ước, hương ước làng/xã và lồng ghép vào tiêu chí xây dựng nông thôn mới (Nông thôn mới phải không có hộ nào xâm chiếm trái phép hành lang an toàn dòng sông...

Các vấn đề tiếp theo cũng phân tích tương tự như vậy